

THIỆN SƯ THÍCH THANH TỪ



THIỆN SƯ NI



Mục Lục

LỜI ĐẦU SÁCH.....	5
NHƯ LAI THIÊN ẤN ĐỘ.....	7
Sư ni MAHĀPAJĀPATI GOTAMĪ (Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di) - Cao hạ đệ nhất –	7
Sư ni Đại Ái Đạo và năm trăm Sư ni nhập Niết-bàn.....	9
Sư ni KHEMĀ (Sai-ma - Sám-ma) - Trí tuệ đệ nhất -	11
Sư ni SAKULĀ (Cổ-câu-la - Xà-câu-lê) - Thiên nhãn đệ nhất -	15
Sư ni UPPALAVANNĀ (Ưu-bát Hoa Sắc - Liên Hoa Sắc) - Thần thông đệ nhất -	16
Sư ni BHADDĀ KĀPILĀNĪ (Bạt-đà Ca-tỳ-ly - Diệu Hiền) - Túc mệnh đệ nhất -	19
Sư ni SĪHĀ (Sư Tử)	21
Sư ni BHADDĀ KUNDALAKESĀ (Bạt-đà Quân-trà-la Hệ Đầu) - Thắng trí mau lẹ nhất -	22
Sư ni SOMĀ	24
Sư ni SELĀ	25
Sư ni SUKKĀ - Thuyết pháp hay -	27
Sư ni DU-LÔ - Nghị luận đệ nhất -	28
Sư ni SUNDARĪ NANDĀ (Tôn-đà-lợi Nan-đà) - Thiên định đệ nhất -	30
Sư ni KISĀ GOTAMĪ (Cơ-lê-xá Cù-đàm-di) - Thơ y đệ nhất -	32
Sư ni PAṬĀCĀRĀ (Ba-la-giá-la) - Trì luật đệ nhất -	32
Sư ni SONĀ (Tô-na) - Tinh tấn đệ nhất -	37
NHƯ LAI THIÊN TRUNG HOA	39

Sư ni TĂNG QUẢ ở Quảng Lăng	39
Sư ni TỊNH XÚNG chùa Trúc Lâm	40
Sư ni PHÁP BIỆN chùa Cảnh Phước	41
Sư ni HUỆ TỰ chùa Tập Thiện (431 - 499)	41
Sư ni ĐÀM HUY chùa Trường Lạc (422 - 504)	43
Sư ni TĂNG THUẬT chùa Nhân Cư (432 - 515)	45
TỔ SƯ THIÊN TRUNG HOA	47
Sư ni TỔNG TRÌ (thời Nam Bắc Triều)	47
Sư ni HUYỀN CƠ am Tịnh Cư (645 - 720)	48
Sư ni LIỄU NHIÊN ở Mạt Sơn	49
Sư ni LƯU THIẾT MA	52
Sư ni PHÁP HẢI chùa Tây Trúc	54
Sư ni HUỆ QUANG chùa Diệu Huệ	54
Sư ni TRÍ THÔNG hiệu Không Thất đạo nhân	55
Sư ni DIỆU TỔNG hiệu Vô Trước chùa Tư Thọ (1095 - 1170)	58
Sư ni CHÂN NHƯ	65
Sư ni DIỆU ĐẠO hiệu Định Quang chùa Tịnh Cư	68
Sư ni TRÍ NGỘ hiệu Liễu Am chùa Đại Khánh phủ Thiệu Hưng	70
Sư ni VIÊN ẮN	72
Thánh ni TÁNH TƯỚNG	73
Cô LINH CHIẾU	73
THÔI LUYỆN SƯ	75
Đạo nhân GIÁC AM	75
Đạo nhân MINH THẤT	76

Đạo nhân TỊCH THỌ	78
TÂN QUỐC PHU NHÂN	78
Đạo nhân TRÚC TÂM	80
Đạo nhân TAM KHÔNG	82
SIÊU NHẤT TỬ	82
THIÊN SƯ NI VIỆT NAM.....	84
Sư ni DIỆU NHÂN (1042 - 1113).....	84
Sư ni TUỆ THÔNG (Giữa thế kỷ XIV)	86
GIA TỬ hoàng hậu (? - 1381)	87
Sư ni họ LÊ núi Thị Vải	87
Sư ni họ TỔNG ở Hà Tiên.....	88

LỜI ĐẦU SÁCH

Gần đây, mỗi lần đi dự lễ lớn của Phật giáo, chúng tôi nhận thấy một số người xuất gia hiện diện, ni chúng đông gấp hai lần tăng chúng. Qua hiện tượng này, chúng tôi tự nhận mình còn một khuyết điểm lớn. Bởi những năm qua chúng tôi soạn dịch được ba cuốn sử thiên sư từ Trung Hoa đến Việt Nam, tuyệt nhiên không có quyển nào nói riêng về thiên sư ni.

Người xưa vì trọng nam khinh nữ, nên lơ qua việc này là phải. Hiện nay nam nữ bình đẳng, chúng ta không có quyền thông qua một cách dễ dàng. Hơn nữa, ngày xưa phái nữ xuất gia rất ít, đa số xuất gia là nam giới, không chú tâm đến thiên sư ni là lẽ đương nhiên.

Ngày nay, phái nữ xuất gia đông hơn phái nam, làm sao chúng ta không chú tâm đến việc này được? Bởi lẽ đó, chúng tôi bắt đầu soạn quyển sử Thiên Sư Ni.

Khi bắt tay vào việc, chúng tôi thấy thật quá khó khăn. Vì lẽ người xưa đã coi thường nữ giới, nên những thiên sư ni có tài cao đức trọng ít được nhắc đến, mà chỉ thấy qua vài đoạn đối đáp với thiên sư tăng thôi, đầu đuôi gốc ngọn không tìm đâu ra. Tài liệu, lịch sử thật là khô khan, thiếu sót. Nếu đòi hỏi phải có sử liệu đầy đủ mới ghi vào thì thiên sư ni nhiều lắm chừng năm ba vị. Buộc lòng chúng tôi được bao nhiêu thì chép bấy nhiêu, có còn hơn không. Vì thế, độc giả sẽ thấy có những vị ni nổi danh mà lịch sử ghi không quá nửa trang giấy.

Chúng tôi chia quyển sử này ra làm hai phần: Như Lai Thiên và Tổ Sư Thiên. Như Lai thiên là thiên phổ thông, do đức Phật dạy chung cho tất cả tăng ni và cư sĩ tu. Tổ sư thiên là thiên đặc biệt, chỉ nói riêng cho tổ Ca-diếp truyền mãi đến tổ Bồ-đề-đạt-ma và truyền sang Trung Quốc đến Việt Nam. Những vị ni xuất gia thời đức Phật đều tu theo Như Lai thiên. Mãi đến sau này, khi tổ Bồ-đề-đạt-ma truyền Thiên tông sang Trung Hoa, mới có những vị ni tu theo Tổ sư thiên.

Về Như Lai thiên, chúng tôi mạn phép dựa theo tài liệu của Hòa thượng Thích Minh Châu, trong tập Các Bài Kệ Của Trưởng Lão Ni do Hòa thượng dịch trong tạng Pāli và xin tri ân Hòa thượng. Đồng thời, chúng tôi trích dịch trong bộ kinh Tăng Nhất A-hàm một số bài. Đến Trung Quốc, trước thời tổ Bồ-đề-đạt-ma sang, có một số ni tu thiên đạt đạo, còn ghi trong bộ Tỳ-kheo-ni Truyện chúng tôi cũng trích dịch.

Sang Tổ sư thiên, chúng tôi lược lặt từ những bộ Truyền Đăng Lục, Chỉ Nguyệt Lục, Sơn Am Tập Lục, Tùng Lâm Thanh Sự, Cảm Sơn Vân Ngoạ Kỷ Đàm, Ngũ Đăng Hội Nguyên Tiết Dẫn.

Bởi tên quyển sách là Thiên Sư Ni, nên chúng tôi chỉ ghi vào đây những vị ni tu thiên đắc đạo, còn những vị ni tu theo pháp môn khác, tuy có nổi danh, song vẫn không ghi lại nơi đây. Cũng có lắm vị tu thiên đắc đạo, nhưng vì công hạnh tương tự nhau, nên chúng tôi chỉ ghi lại đôi ba vị đại biểu thôi. Không phải từ thời đức Phật đến nay chỉ có được bao nhiêu vị thiên sư ni tu hành đắc đạo ghi trong quyển sách này, chẳng qua là chúng tôi nhắm đến những vị thiên sư ni có công hạnh đặc biệt nhằm khích lệ cho người sau, nên chỉ ghi có bấy nhiêu.

Về phần chất lượng thì quyển sách này thật nghèo nàn. Song chúng tôi mong rằng nó sẽ đóng vai trò nền tảng, để người sau nối tiếp và bổ túc cho được phong phú hơn.

Tu viện Chơn Không

Đầu xuân Canh Thân 1980

Kính ghi

THÍCH THANH TỪ

NHƯ LAI THIÊN ẤN ĐỘ

Sư ni MAHĀPAJĀPATI GOTAMĪ (Đại Ái Đạo Kiều-dàm-di) - Cao hạ đệ nhất –

Trước khi bậc Đạo sư ra đời, bà được sanh ở Devadaha, trong gia đình Mahā Suppabuddha. Tên gia đình của bà là Gotamī, bà là em gái của Mahāmāyā. Các thầy đoán tướng tiên đoán rằng các người con của hai chị em sẽ là vị chuyển luân vương. Vua Suddhodāna khi đến tuổi trưởng thành cưới cả hai chị em. Sau đó, bậc Đạo sư đản sanh, và trong khi chuyển pháp luân, ngài đi đến Vesālī độ phụ vương chứng quả A-la-hán trước khi mệnh chung.

Mahāpajāpatī muốn xuất gia. Bà xin phép bậc Đạo sư nhưng không được chấp nhận, bèn cắt tóc đắp y, và sau thời giảng kinh về tinh cần nỗ lực, bà ra đi với năm trăm Thích-ca nữ mà các người chồng đã xuất gia, đến Vesālī xin bậc Đạo sư cho xuất gia. Với sự can thiệp của tôn giả A-nan, bậc Đạo sư chấp nhận và dạy Tám kinh pháp cho các Tỳ-kheo-ni.

Sau khi xuất gia, Mahāpajāpatī đến yết kiến đức Phật và đứng qua một bên. Ngài thuyết pháp cho bà và bà tinh cần tinh tấn chứng được quả A-la-hán với trí tuệ trực giác và phân tích. Năm trăm Tỳ-kheo-ni sau khi nghe Nandaka giáo giới, đều chứng được sáu thắng trí.

Một ngày kia, khi bậc Đạo sư ngồi giữa thánh chúng tại tinh xá Jetavana (Kỳ Viên), ngài xác nhận Mahāpajāpatī là vị có kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ hạnh phúc giải thoát Niết-bàn. Để nói lên lòng biết ơn, Mahāpajāpatī tuyên bố chánh trí của mình trước mặt Thế Tôn, tán thán hạnh đức của ngài đã giúp đỡ hộ trì cho bà mà trước đây bà không được gặp.

Bậc Giác ngộ anh hùng!

Con xin đánh lễ Ngài,

Ngài là bậc tối thượng,
Giữa mọi loài chúng sanh,
Ngài giải khổ cho con,
Cùng rất nhiều người khác.
Liều tri mọi đau khổ,
Gột sạch nhân khát ái,
Con đường Thánh tám ngành,
Đoạn diệt, ta chứng ngộ.
Trước ta sống là mẹ,
Là con, là cha, anh,
Là ông nội, ông ngoại,
Đời sống trước là vậy,
Không rõ biết như thật,
Luân hồi tìm không gặp.
Nay ta thấy Thế Tôn,
Thân này thân tối hậu,
Sanh tử được đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.
Siêng, tinh cần nỗ lực,
Thường kiên trì tinh tấn,
Hãy thắng, đệ tử Phật,
Hoà hợp, đánh lễ Ngài.
Vì hạnh phúc nhiều người,
Ma-da sanh Cù-đàm,
Giải tỏa nhóm khổ đau
Cho người bị bệnh chết.

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do HT. Minh Châu dịch từ Pāli)

Sư ni Đại Ái Đạo và năm trăm Sư ni nhập Niết-bàn

Sư ni Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di đang du hành tại thành Tỳ-xá-ly, ở chùa Cao Đài cùng năm trăm vị đại Tỳ-kheo-ni là bậc A-la-hán, các lậu đã sạch.

Khi ấy sư ni Đại Ái Đạo nghe chư Tỳ-kheo nói: “Còn không quá ba tháng, Như Lai sẽ diệt độ dưới cội cây sa-la song thọ, tại thành Câu-thi-na.” Sư ni nghe thế, liền khởi nghĩ: “Ta không cam thấy Như Lai diệt độ, cũng không cam thấy A-nan diệt độ. Nay ta nên diệt độ trước.” Sư ni đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ dưới chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật:

- Con không cam thấy Thế Tôn và A-nan diệt độ. Cúi xin Thế Tôn cho phép con diệt độ trước.

Phật lặng thinh hứa khả. Sư ni lại bạch:

- Cúi mong Thế Tôn, từ nay về sau cho các Tỳ-kheo-ni thuyết giới.

Phật bảo:

- Nay ta cho Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni thuyết cấm giới, như ta trước đã thi hành cấm giới, để khỏi sai lầm.

Sư ni liền đến trước Phật, lễ dưới chân Phật, và đứng chấp tay thưa:

- Từ nay con sẽ không còn thấy dung nhan Thế Tôn, cũng không thấy chư Phật tương lai, chẳng còn thọ bào thai, hằng trụ vô vi. Hôm nay rời hình dáng Thế Tôn, không bao giờ thấy lại.

Sư ni đi nhiều Phật bảy vòng, nhiều A-nan bảy vòng, nhiều chúng Tỳ-kheo rồi trở lui ra về. Về đến trong chúng Tỳ-kheo-ni, Sư ni bảo chúng:

- Nay ta muốn vào Vô dư y Niết-bàn. Vì sao như thế? Vì đức Như Lai không bao lâu sẽ diệt độ. Các người nên tùy nghi mà thi hành.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Sai-ma, Ưu-bát-sắc, Cơ-lợi-thi, Xá-cừ-lê, Xa-ma, Bát-đà-lan-giá, Bà-la-giá-la, Ca-chiên-diên, Xà-da và năm trăm vị đồng đi đến chỗ Phật, đứng qua một bên. Tỳ-kheo-ni Sai-ma (Khemā) là thượng thủ trong năm trăm Tỳ-kheo-ni, đại diện bạch Phật:

- Cả thầy chúng con nghe Thế Tôn không bao lâu sẽ diệt độ, chúng con không cam thấy Thế Tôn và A-nan diệt độ, cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con diệt độ trước. Chúng con ngày nay nhập Niết-bàn là rất hợp thời.

Phật lặng thinh hứa khả. Tỳ-kheo-ni Sai-ma cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni thấy Thế Tôn lặng thinh hứa khả liền đến lễ dưới chân Phật, đi nhiều ba vòng rồi trở lui.

Chư Tỳ-kheo-ni về đến chùa, sư ni Đại Ái Đạo đóng cửa giảng đường, đánh chuông báo chúng, trải tọa cụ nơi đất trống, bay lên hư không. Ở trong hư không, Sư ni ngồi nằm đi lại hoặc phát ra ánh lửa, dưới thân ra khói, trên thân ra lửa, hoặc toàn thân phát lửa, toàn thân phát khói, hoặc hông trái tuôn nước, hông phải tuôn lửa, hông phải tuôn ra nước, hông trái tuôn ra lửa, hoặc phía trước ra lửa, phía sau ra nước, phía trước ra nước, phía sau ra lửa, toàn thân ra lửa, toàn thân ra nước.

Sư ni làm những thứ biến hóa xong, trở lại tọa cụ ngồi kiết già, chánh thân chánh ý buộc niệm ở trước mà nhập Sơ thiền. Từ Sơ thiền xuất nhập Nhị thiền, từ Nhị thiền xuất nhập Tam thiền, từ Tam thiền xuất nhập Tứ thiền, từ Tứ thiền xuất nhập Không xứ, từ Không xứ xuất nhập Thức xứ, từ Thức xứ xuất nhập Vô sở hữu xứ, từ Vô sở hữu xứ xuất nhập Phi phi tưởng xứ, từ Phi phi tưởng xứ xuất nhập Diệt thọ tưởng xứ; từ Diệt thọ tưởng xứ xuất nhập lại Phi phi tưởng xứ, từ Phi phi tưởng xứ xuất nhập lại Vô sở hữu xứ, từ Vô sở hữu xứ xuất nhập Thức xứ, từ Thức xứ xuất nhập Không xứ, từ Không xứ xuất nhập Tứ thiền, từ Tứ thiền xuất nhập Tam thiền, từ tam thiền xuất nhập Nhị thiền, từ Nhị thiền xuất nhập Sơ thiền; từ Sơ thiền xuất nhập lại Nhị thiền, từ Nhị thiền xuất nhập Tam thiền,

từ Tam thiên xuất nhập lại Tứ thiên, nhập Tứ thiên xong Sư ni diệt độ.

Bấy giờ, trời đất rung động, bốn phương gió mát thổi đến, chư thiên ở trên không trỗi nhạc, chư thiên Dục giới buồn khóc, hương hoa thân diệu rải trên thân Sư ni cúng dường.

Tiếp theo đó, Tỳ-kheo-ni Sai-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-sắc, Tỳ-kheo-ni Cơ-lợi-thi Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni Xá-cù-ly, Tỳ-kheo-ni Xa-ma, Tỳ-kheo-ni Ba-đà-lan-giá-la, Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên, Tỳ-kheo-ni Xà-da, đều là hàng thượng thủ của năm trăm Tỳ-kheo-ni, mỗi vị đi đến chỗ đất trống, trải tọa cụ, phi thân lên hư không, ở trong hư không, ngồi nằm đi lại làm mười tám pháp biến hóa cho đến nhập thọ tướng diệt, rồi vào Niết-bàn. Cả thầy năm trăm vị Tỳ-kheo-ni đều làm như thế mà vào Niết-bàn.

Khi ấy có hai vị Sa-di-ni là Nan-đà, Ưu-bát-nan-đà trông thấy các thầy mình đều diệt độ, tâm kinh hãi, sầu não tự quán sát: “Phàm là pháp có hợp đều phải tan.” Chính khi quán sát, liền chứng được Tam minh, Lục thông. Hai vị phi thân lên hư không, làm mười tám pháp biến hóa xong nhập Niết-bàn.

(Trích dịch kinh Tăng Nhất A-hàm)

Sư ni KHEMĀ (Sai-ma - Sám-ma) - Trí tuệ đệ nhất -

Trong thời đức Phật tại thế, bà được sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà) ở Sāgala (Xá-kiệt), thuộc gia đình hoàng tộc, tên là Khemā. Nhan sắc đẹp đẽ với da như vàng, bà trở thành vương phi vua Bimbisāra.

Khi Thế Tôn ở tại Veluvana (Trúc Lâm) bà không đi đến yết kiến đức Phật vì sợ Thế Tôn chỉ trích lỗi của mình. Vua muốn bà đi thăm Trúc Lâm, nên nhờ người tán thán ngôi vườn này, cuối cùng bà bằng lòng đi với vua đến tinh xá. Không thấy Thế Tôn, nhưng vua muốn bà thấy cho được Thế Tôn, dù phải bắt bà ở lại. Khi bà sắp sửa từ giả

ting xá, vẫn chưa gặp được Thế Tôn, các người hầu cận giữ bà ở lại và đưa bà đến gặp đức Phật một cách miễn cưỡng.

Đức Phật dùng thần lực hóa hiện một tiên nữ rất đẹp đang đứng quạt cho ngài, sắc đẹp thắng xa sắc đẹp của bà rất nhiều. Trước mắt bà, nữ nhân được hóa hiện ấy lớn lên trở thành già yếu, răng rụng tóc bạc da nhăn và ngồi ngã xuống đất với chiếc quạt. Khema thấy vậy, tự hỏi không biết thân mình có chịu hoàn cảnh tương tự như vậy hay không. Thế Tôn biết tâm trạng của bà, bèn nói lên bài kệ:

Người đắm say ái dục,

Tự lao mình xuống dòng,

Như nhện sa lưới dệt.

Người trí cắt trừ nó,

Bỏ mọi khổ không màng.

(Pháp Cú 347)

Bậc Đạo sư nói xong, bà chứng được quả Dự lưu. Sau được vua cho phép xuất gia và trở thành vị A-la-hán. Bà tu tập thiền quán và nổi danh về môn tu này. Khi đức Phật ở Jetavana (Kỳ Viên) đã đặt bà vào hàng Thiền quán đệ nhất.

Một ngày kia, bà ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, ác ma hiện lên dưới một hình thức người thanh niên và cám dỗ bà với lòng dục như sau:

Nàng vừa trẻ vừa đẹp,

Ta vừa trẻ vừa xuân,

Với cung đàn năm điệu,

Hãy vui hưởng, Khemā!

Bà đáp:

Với thân hôi thối này,

Bệnh hoạn và mỏng manh,

*Ta nhàm chán ghét bỏ,
Dục ái đã nhổ lên.
Dục ví như gương giáo,
Các uẩn đoạn đầu đài,
Điều người nói dục lạc,
Nay ta đã xa lìa.
Mọi nơi hỷ duyệt đoạn,
Khối si ám tan tàn,
Hãy biết vậy, ác ma!
Người bị hại, Ma vương.
Người đánh lễ vàng sao,
Người thờ lửa rừng sâu,
Người không biết như thật,
Kẻ ngu nghĩ rằng tịnh.
Còn ta, ta đánh lễ,
Bậc Giác ngộ thượng nhân,
Giải thoát mọi khổ đau,
Hành lời Đạo sư dạy!*

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do HT. Minh Châu dịch)

Có một đoạn đối đáp của Sư ni Khemā với vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala, được ghi lại trong Samyutta Nikaya IV (Tương Ưng Bộ - thiên Sáu Xứ - chương Tương Ưng Không Thuyết).

- Thưa Nữ tôn giả, đức Như Lai có tồn tại sau khi chết không?
- Tâu Đại vương, đức Như Lai không dạy rằng Như Lai có tồn tại sau khi chết.
- Thưa Nữ tôn giả, vậy là đức Như Lai không tồn tại sau khi chết?

- Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng không dạy rằng Như Lai không tồn tại sau khi chết.

- Thưa Nữ tôn giả, thế thì đức Như Lai tồn tại, đồng thời không tồn tại sau khi chết?

- Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng không dạy rằng Như Lai tồn tại, đồng thời không tồn tại sau khi chết.

- Thưa Nữ tôn giả, thế thì đức Như Lai không tồn tại cũng không không tồn tại sau khi chết?

- Tâu Đại vương, đức Thế Tôn cũng không dạy như thế.

- Thưa Nữ tôn giả, tại sao đức Thế Tôn lại không dạy như thế?

- Tâu Đại vương, cho phép tôi hỏi Ngài một câu hỏi và Ngài trả lời xem Ngài nghĩ thế nào? Tâu Đại vương, Ngài có một kế toán viên hay một tài sư hay một ngân khố viên có thể đếm được cát sông Hằng và có thể bảo rằng: “có bao nhiêu hạt cát, bao nhiêu trăm, bao nhiêu ngàn hay bao nhiêu trăm ngàn hạt cát” được chăng?

- Thưa Nữ tôn giả, tôi không có được người như thế.

- Hoặc Ngài có một kế toán viên hay một tài sư hay một ngân khố viên có thể đong được nước trong đại dương và có thể bảo rằng: “có bao nhiêu thùng nước, bao nhiêu trăm, bao nhiêu ngàn hay bao nhiêu trăm ngàn thùng nước” được chăng?

- Thưa Nữ tôn giả, không thể được.

- Tại sao vậy?

- Đại dương thì sâu, không đong, không vốc được.

- Nếu muốn biết bản thể của Như Lai nhờ vào những thuộc tánh danh sắc thì cũng như thế. Ở nơi Như Lai những thuộc tánh danh sắc đã bị loại bỏ, sức của chúng đã bị đoạn trừ, giống như một cây cọ bị nhổ bật hẳn lên và để nằm đó không còn phát triển được nữa. Tâu Đại vương, Như Lai vượt ngoài những đo lường hữu vi thế gian. Bản thể của Như Lai cũng như đại dương thâm sâu không thể đo lường. Vì vậy bảo rằng Như Lai tồn tại hay không tồn tại, hay vừa tồn tại

vừa không tồn tại, hoặc không tồn tại cũng không không tồn tại sau khi chết thì thật không đúng.

(Hòa thượng Thích Chơn Thiện dịch)

Sư ni SAKULĀ (Cổ-câu-la - Xà-câu-lê) - Thiên nhân đệ nhất -

Trong thời đức Phật hiện tại, bà được sanh trong dòng Bà-la-môn ở Sāvattthī, tên là Sakulā. Khi đức Phật nhận tinh xá ở Jetavana (Kỳ Viên) bà trở thành tín nữ. Sau khi nghe một vị A-la-hán thuyết pháp, bà phát nguyện xuất gia, tinh cần triển khai thiền quán và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Về sau tùy theo lời phát nguyện, bà được Thế Tôn tán thán là Thiên nhân đệ nhất. Sau khi suy tư đến quả chứng của mình, bà phấn khởi hoan hỷ và nói lên bài kệ:

*Khi sống ở gia đình,
Nghe Tỳ-kheo thuyết pháp,
Ta thấy pháp vô uế,
Đạo Niết-bàn bất tử.
Ta từ bỏ con cái,
Cả tài sản, lúa gạo,
Cạo tóc ta xuất gia,
Sống đời sống không nhà.
Ta làm người học nữ,
Tu tập con đường chánh,
Đoạn tận tham và sân,
Đoạn từng lậu hoặc một.
Thọ giới Tỳ-kheo-ni,
Ta nhớ đời quá khứ,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Không uế, khéo tu tập.*

*Thấy các hàng ngoại diện,
Do nhân sanh biến hoại,
Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Mát lạnh ta tịch tịnh.*

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do HT. Minh Châu dịch)

Sư ni UPPALAVANNĀ (Ưu-bát Hoa Sắc - Liên Hoa Sắc) - Thần thông đệ nhất -

Trong thời đức Phật hiện tại, bà được sanh ở Sāvattthī, con gái của vị trưởng kho bạc. Vì da bà màu tím của sen xanh, nên được gọi là Uppalavannā. Khi bà đến tuổi trưởng thành, vua và thường dân giành nhau đến cưới. Vị trưởng kho bạc không thể làm vừa lòng mọi người, bèn nghĩ ra một kế để giải quyết. Ông gọi Uppalavannā đến và bảo bà xuất gia. Vì căn cơ đã thuần thực, nên bà nhận lời ngay. Bà được đưa đến tinh xá Tỳ-kheo-ni để xuất gia.

Sau một thời gian, khi bà phụ trách công việc dọn dẹp phòng để làm lễ Bố-tát, bà thắp ngọn đèn và quét phòng, rồi lấy ngọn đèn làm tướng để thiền quán. Không bao lâu, bà chứng được quả A-la-hán. Bạc Đạo sư ngồi giữa đại chúng ở Jetavana ấn chứng cho bà là Thần thông đệ nhất.

Bà suy tư trên quả an lạc của thiền và thánh quả, nói lên một số bài kệ.

Bà sung sướng nói lên quả chứng của mình:

*Ta biết các đời trước,
Thiên nhân được thanh tịnh,
Trí biết được tâm người,
Nhĩ giới được trong sạch.
Ta chứng được thần thông,
Lậu tận ta đạt được,*

Ta chứng sáu thắng trí,

Lời Phật dạy làm xong.

Bà hiện lên một thần thông với sự chấp thuận của bậc Đạo sư và ghi như sau:

Do hiện hoá thần thông,

Ta đến xe bốn ngựa,

Ta đánh lễ chân Phật,

Thế giới chủ quang vinh.

Bà bị ác ma đến quấy phá tại rừng cây sa-la, bà trách móc ác ma.

Ác ma:

Nàng đi đến gốc cây,

Đang nở hoa tuyệt đẹp,

Nàng đến đứng một mình,

Dưới gốc cây có hoa.

Nàng đến chỉ một mình,

Này kẻ đại khờ kia,

Sao nàng lại không sợ,

Có kẻ cám dỗ nàng?

Bà:

Trăm ngàn người cám dỗ,

Có đến đây như người,

Mảy lông ta không động,

Ta chẳng gì hoảng hốt.

Ác ma làm gì ta,

Khi người đến một mình?

Ác ma:

*Ta có thể biến mất,
Hay vào bụng nhà người,
Ta đứng giữa hàng my,
Người không thấy ta đứng.*

Bà:

*Với tâm khéo nhiếp phục,
Thần túc khéo tu trì,
Sáu thắng trí ta chứng,
Lời Phật dạy làm xong.*

*Các dục giống gương giáo,
Chém nát các uẩn ta,
Những dục mà người gọi,
Là lạc thú cuộc đời.*

*Ngày nay dục lạc ấy,
Với ta không hấp dẫn.*

*Ở tất cả mọi nơi,
Hy vọng được đoạn tận,
Khối tối tăm mù ám,
Đã bị làm tan nát.*

*Hỡi này kẻ ác ma,
Người hãy biết như vậy.*

*Người chính là ác ma,
Người đã bị bại trận!*

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do HT. Minh Châu dịch)

Thế Tôn bốn mươi chín ngày tại cung trời Đao-lợi vì mẹ thuyết pháp. Lúc trở về bốn chúng, tám bộ cùng đến nghênh tiếp. Tỳ-kheo-

ni Liên Hoa Sắc nghĩ rằng: “Ta thân ni, tất phải ở sau đại tăng mà gặp Phật, chỉ bằng dùng thần lực, biến làm chuyển luân thánh vương ngàn người con vây quanh, đến gặp Phật. Quả là mãn nguyện!”

Đức Phật vừa trông thấy, liền quở:

Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc, sao lại vượt đại tăng mà gặp ta. Người tuy thấy thân ta mà chẳng thấy pháp thân ta. Tu-bồ-đề ngồi yên trong hang núi lại thấy ta.

(Trích dịch kinh Tăng Nhất A-hàm)

Sư ni BHADDĀ KĀPILĀNĪ (Bạt-đà Ca-tỳ-ly - Diệu Hiền) - Túc mệnh đệ nhất -

Trong thời đức Phật hiện tại, bà được sanh vào một gia đình Bà-la-môn, dòng họ Kosiya ở Sāgala. Được sống trong giàu sang, bà được gả làm vợ một nhà quý tộc tên là Pippali (Kassapa) ở làng Mahātitttha. Khi người chồng xuất gia, bà giao tài sản cho bà con để đi xuất gia. Bà sống năm năm tại Tittthiyārāma (chỗ một phái ngoại đạo), sau đó bà được Mahāpajāpatī cho thọ đại giới, nhờ triển khai thiên quán, bà chứng được quả A-la-hán. Khi bậc Đạo sư ở Jetavana (Kỳ Viên) ngồi phân loại các Tỳ-kheo-ni, bà được đức Phật tán thán là có biệt tài đệ nhất về đời sống quá khứ.

Một ngày kia bà nói lên những bài kệ về kinh nghiệm quá khứ và tán thán hạnh của trưởng lão Kassapa (Đại Ca-diếp).

Con thừa tự chư Phật,

Ca-diếp khéo thiên định.

Biết được đời quá khứ,

Thấy cõi trời đoạ xứ.

Ẩn sĩ đoạn diệt sanh,

Thắng trí được thành tựu

Cùng với Ba minh này,

*Là Phạm chí Ba minh.
Cũng vậy nàng Bhadda
Người xứ Kapila,
Nàng là bậc Ba minh
Đã đoạn được sự chết,
Mang thân này cuối cùng,
Sau khi thắng ma quân.
Thấy nguy hại ở đời,
Hai chúng tôi xuất gia.
Chúng tôi được chế ngự,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Cảm xúc thành mát lạnh,
Được tịch tịnh giải thoát.*

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do HT. Minh Châu dịch)

Hôm nọ, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà (Bhaddā) tại thành Xá-vệ, hướng dẫn năm trăm Tỳ-kheo-ni du hoá trong thành. Tỳ-kheo-ni Bạt-đà đi đến chỗ vắng dưới cội cây, trải tọa cụ ngồi kiết già, buộc niệm ở trước, tự nhớ vô số việc đời trước liền tự cười. Có Tỳ-kheo-ni ở xa trông thấy Bạt-đà cười, bèn đến trong chúng Tỳ-kheo-ni bàn nhau, đồng đến chỗ Tỳ-kheo-ni Bạt-đà, hỏi:

- Trưởng lão có nhân duyên gì mà ngồi dưới gốc cây tự cười?

Tỳ-kheo-ni Bạt-đà bảo năm trăm Tỳ-kheo-ni:

- Ta đến dưới cội cây này, tự nhớ việc vô số đời trước, lại thấy những thân đã trải qua thuở xưa, chết đây sanh kia, thấy đều thấy rõ ràng.

Bấy giờ, có nhiều thầy Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo-ni Bạt-đà tự nhớ vô số đời trước, đồng đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật, lui

về một bên, đem việc bạch lại Như Lai. Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

- Các ông thấy trong số Thanh văn Tỳ-kheo-ni, có ai tự thấy việc vô số đời trước như Tỳ-kheo-ni này chăng?

Chư Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, không thấy.

Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

- Trong số đệ tử Thanh văn của ta, người tự nhớ vô số đời trước, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà là bậc nhất.

(Trích dịch kinh Tăng Nhất A-hàm)

Sư ni SĪHĀ (Sư Tử)

Trong thời đức Phật hiện tại, bà được sanh ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) con gái của người chị võ tướng Sīha. Do vậy bà được đặt tên là Sīhā, như tên người cậu của bà. Khi đến tuổi trưởng thành, bà nghe bậc Đạo sư thuyết pháp cho người cậu, Sīhā trở thành một tín nữ và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Khi tu tập thiền quán, bà không thể chặn đứng tâm tư chạy theo ngoại vật khả ý. Bảy năm bị dày vò, bà kết luận: “Làm sao ta thoát khỏi nếp sống uesthi này? Ta hãy chết, tốt hơn.” Rồi bà cột sợi dây trên cây, đút cổ vào thông lọng để thắt cổ. Trong giây phút cuối cùng, với sự tỉnh cần chất chứa từ trước cho đến nay, bà cố gắng triển khai thiền quán. Đối với bà đời sống hiện tại thật sự là đời sống cuối cùng. Trong giờ phút ấy, trí tuệ bà được viên mãn với nội tâm thiền quán, bà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Mở thông lọng ra, bà trở về tỉnh xá, được thành một vị A-la-hán, bà sung sướng phấn khởi nói lên bài kệ:

Không như lý tác ý,

Bị dục tham ám ảnh,

Ta trước bị dao động

*Không chế ngự được tâm.
Bị phiền não chi phối,
Lạc tướng ngự trị ta.
Tâm ta không thẳng bằng,
Bị tham dục chi phối.
Bảy năm sống ốm yếu,
Vàng da, dung sắc xấu,
Ngày đêm không an lạc,
Ta sống chịu khổ đau.
Do vậy ta lấy dây,
Đi vào giữa khu rừng,
Tốt hơn ta treo cổ,
Còn hơn sống hạ liệt.
Làm chắc dây thông lọng,
Ta cột ở cành cây,
Quàng thông lọng quanh cổ,
Tâm ta liền giải thoát.*

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do HT. Minh Châu dịch)

Sư ni BHADDĀ KUNDALAKESĀ (Bạt-đà Quân-trà-la Hệ Đầu) - Thắng trí mau lẹ nhất -

Bà sanh tại Rājagaha (Vương Xá), là con gái của trưởng giả Bà-la-đà, vị thủ khố của nhà vua, và sống rất được cưng chiều. Một hôm quân lính dẫn một tên cướp đem đi hành hình. Bà trông thấy khi dẫn ngang qua nhà bà, bà bỗng đâm yêu hấn kỳ lạ, bèn xin cha lo lót cho hấn thoát chết và được gả cho tên cướp.

Lễ cưới cử hành, tên cướp dụ bà mang lễ vật lên núi cúng tế. Đến bờ vực thẳm, hấn lột hết nữ trang của bà và định giết bà. Thừa lúc

sơ hở, bà xin hấn cho bà được hôn hấn lần cuối, hấn bằng lòng, bà bèn nhân lúc đó xô hấn xuống bờ vực. Trở về, bà chán ngán thế tục, bèn xin xuất gia theo giáo phái Ni-kiền Tử và trở thành hùng biện đệ nhất.

Bà đi khắp nơi thách thức các triết nhân tranh biện và thắng tất cả. Một hôm bà đến Sāvattthī cùng với tôn giả Xá-lợi-phất (Sāriputta) tranh luận. Bà bị trí tuệ của Tôn giả nhiếp phục và xin đánh lễ làm thầy. Tôn giả Sariputta khuyên bà quy y Phật.

Sau khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp, bà chứng quả A-la-hán, liền đó được thọ đại giới và gia nhập Ni đoàn.

Một hôm, Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la Hệ Đầu tự nghĩ: “Ta nghe Thế Tôn không bao lâu sẽ diệt độ. Ngày tháng đã hết, ta nên đến thăm hỏi Thế Tôn.”

Lúc ấy Sư ni liền đi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn. Xa trông thấy Thế Tôn dẫn theo chúng Tỳ-kheo cùng năm trăm đồng tử sắp đến Sa-la song thọ. Sư ni đi đến nơi, đầu mặt lễ dưới chân Phật bạch:

- Con nghe Thế Tôn không bao lâu nữa sẽ diệt độ.

Phật bảo:

- Như Lai sẽ diệt độ vào giữa đêm nay.

Sư thưa:

- Con xuất gia học đạo chưa viên mãn bản nguyện, mà Thế Tôn đã bỏ con diệt độ. Cúi mong Thế Tôn vì con nói pháp vi diệu, khiến con được viên mãn bản nguyện.

Thế Tôn bảo:

- Nay con nên suy xét về cội nguồn đau khổ.

Sư trầm ngâm giây lâu thưa:

- Bạch Thế Tôn, thật khổ! Bạch Như Lai, thật khổ!

Phật hỏi:

- Con quán gì mà nói thế?

Sư thưa:

- Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, lo buồn rối loạn khổ, oán thù gặp gỡ khổ, thương yêu xa lìa khổ. Tóm lại, năm ấm tràn trề khổ. Bạch Thế Tôn, con quán nghĩa này nên nói khổ.

Chính khi suy xét nghĩa này, liền tại chỗ Sư chứng được Tam minh. Sư bạch Phật:

- Con không cam thấy Thế Tôn diệt độ. Xin Thế Tôn cho phép con diệt độ trước.

Phật lặng thinh hứa khả. Sư liền từ tòa đứng dậy, lễ dưới chân Phật, đến trước Phật, thân phi lên không, làm mười tám phép biến hóa, hoặc ngồi hoặc nằm hoặc đi lại, trên thân ra khói lửa, hoặc thu lại tự do không chút chướng ngại, hoặc phóng nước lửa đầy đầy cả hư không. Biến hoá xong, Sư nhập Vô dư Niết-bàn.

Khi ấy, Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

- Trong hàng đệ tử Thanh văn của ta, Tỳ-kheo-ni được trí tuệ nhanh chóng bậc nhất là Quân-trà-la Hệ Đầu.

(Trích dịch kinh Tăng Nhất A-hàm)

Sư ni Soma

Trong thời đức Phật hiện tại, bà sanh ra là con gái vị giáo sĩ của vua Bimbisāra (Bình Sa Vương) và được đặt tên là Soma. Khi đến tuổi trưởng thành, bà trở thành một tín nữ. Về sau bà xuất gia và nhờ triển khai thiên quán, bà chứng được quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ.

Ở tại Sāvattihī, một ngày kia bà đi vào rừng Andhavana để nghỉ ban ngày và ngồi dưới một gốc cây. Ác ma đến, muốn phá sự an tịnh cô độc của bà nên tàng hình không cho bà thấy và nói lên như sau:

Địa vị khó chứng đạt,

Chỉ thánh nhân chứng đạt,

*Trí nữ nhân hai ngón,
Sao hy vọng chúng đạt?
Bà cự lại ác ma:
Nữ tánh chướng ngại gì,
Khi tâm khéo thiên định,
Khi trí tuệ triển khai,
Chánh quán pháp vi diệu.
Ở tất cả mọi nơi,
Hy vọng được đoạn tận,
Khỏi tối tăm mù mịt,
Đã bị làm tan nát.
Hỡi này kẻ ác ma,
Người hãy biết như vậy,
Người chính là ác ma,
Người đã bị bại trận.
(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do HT. Minh Châu dịch)*

Sư ni SELĀ

Trong thời đức Phật hiện tại, bà được sanh làm công chúa con vua nước Ālavī, tên là Selā. Bà cũng được biết với tên Alavikā (người nước Ālavī). Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo sư cảm hoá được vua cha, làm lễ xuất gia cho nhà vua và cùng đi đến Alavī.

Selā chưa lập gia đình, cùng đi với phụ vương nghe thuyết pháp và trở thành một tín nữ. Về sau bà xuất gia, chuyên tu thiên quán và cuối cùng nhờ thiện duyên tốt đẹp, nhờ trí tuệ được triển khai, bà nhiếp phục được thân hành, khẩu hành, ý hành và chứng được quả A-la-hán.

Về sau, bà trở thành một trưởng lão ni ở Sāvattthī. Một hôm bà đi khỏi Sāvattthī để nghỉ ban ngày tại Andhavana và ngồi dưới một gốc cây. Ác ma muốn phá sự an tịnh độc cư của bà, dưới hình thức một người lạ mặt đến với bà và nói như sau:

*Nàng sẽ không thoát khỏi,
Thoát ly khỏi đời này,
Như vậy hạnh viển ly,
Nàng dùng để làm gì?
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Chớ bứt rứt về sau.*

Nghe rồi, bà suy nghĩ: “Đây là ác ma muốn ngăn chặn ta không được hưởng Niết-bàn. Nó không biết ta đã chứng quả A-la-hán, vậy ta hãy làm cho nó mở mắt.”

Bà nói lên bài kệ:

*Các dục giống gương giáo,
Chém nát các uẩn ta,
Những dục mà người gọi,
Là lạc thú cuộc đời.
Ngày nay dục lạc ấy,
Với ta không hấp dẫn,
Ở tất cả mọi nơi,
Hy vọng được đoạn tận.
Khối tối tăm mù ám,
Đã bị làm tan nát,
Hỡi này kẻ ác ma,
Người hãy biết như vậy.
Người chính là ác ma,*

Người đã bị bại trận!

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do HT. Minh Châu dịch)

Sư ni SUKKĀ - Thuyết pháp hay -

Trong thời đức Phật hiện tại, bà được sanh vào trong một gia đình quyền quý ở Rājagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Sukkā (sáng suốt). Khi đến tuổi trưởng thành, bà phát tâm tin Phật ở trong gia đình của bà và trở thành một tín nữ. Về sau, bà được nghe Dhammadinnā thuyết pháp. Quá cảm xúc bởi bài thuyết pháp, bà xuất gia với Dhammadinnā. Sau khi tu thiền quán, bà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Được năm trăm Tỳ-kheo-ni đoanh vây, bà trở thành một vị thuyết pháp giỏi. Một ngày kia, sau khi đi vào thành Vương Xá khát thực, ăn xong toàn thể ni chúng trở về tinh xá của Tỳ-kheo-ni. Tại đây Sukkā thuyết pháp cho toàn thể ni chúng, thuyết hay cho đến nỗi các Tỳ-kheo-ni cảm thấy như được nhận từ bà những đường mật ngọt ngào, thấm nhuần với nước bất tử. Tất cả đều ngồi nghe, hoàn toàn im lặng nhiệt tâm tín thành. Một vị thần cây đứng ở cuối sân nghe pháp, quá xúc động bởi lời thuyết giảng, nên đi ra khỏi thành Vương Xá, vừa đi vừa tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của bà và nói như sau:

Hỡi này, người Vương Xá,

Các người đã làm gì?

Giống như người ngủ mê,

Bị say vì uống mật!

Các người không hầu hạ,

Sukkā thuyết lời Phật.

Chúng tôi nghĩ bậc trí,

Uống được nước cam lồ.

Dòng nước thật thuần tịnh,

*Không có gì chướng ngại,
Chẳng khác kẻ đi đường,
Đón nhận nước trời mưa.*

Khi nghe thân cây nói như vậy, dân chúng rất lấy làm phấn khởi và đi đến chăm chú nghe bà thuyết pháp.

Thời gian sau, khi đang sửa soạn từ giã cuộc đời, bà muốn nói lên pháp môn đã dạy đưa đến giải thoát như thế nào, bà tuyên bố chánh trí của mình:

*Hỡi này, nàng Sukkā!
Người con của ánh sáng!
Được ly tham tịch tĩnh,
Nhờ ánh sáng chánh pháp,
Hãy mang thân cuối cùng,
Sau khi thấy ma quân.*

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do HT. Minh Châu dịch)

Sư ni DU-LÔ - Nghị luận đệ nhất -

Phật và chúng Tỳ-kheo đang ở trong thành Tỳ-xá-ly bên hồ Di Hâu, được dân chúng cúng dường tứ sự sung mãn. Ngược lại, lục sư ngoại đạo cũng ở trong thành này mà không được cúng dường. Chúng bực tức họp nhau lại bàn luận, định dẫn đến chỗ Phật để cùng Phật tranh luận, cố tình chiết phục Phật cho dân chúng mất niềm tin.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Du-lô hay tin này, bèn bay lên hư không, đến chỗ lục sư ngoại đạo nói kệ:

*Thầy ta không ai bằng,
Tối tôn không người hơn,
Ta là đệ tử Ngài,
Tên là Du-lô Ni.*

*Người nếu có cảnh giới,
Hãy cùng ta nghị luận,
Ta sẽ đáp mọi việc,
Như sư tử chụp nai.
Lại, ngoài thầy ta ra,
Vốn không có Như Lai,
Nay ta Tỳ-kheo-ni,
Đủ hàng phục ngoại đạo.*

Tỳ-kheo-ni Du-lô nói kệ rồi, lục sư ngoại đạo trông lên còn không thấy tướng mạo huống là nghị luận. Lúc đó, dân chúng trong thành Tỳ-xá-ly nhìn xa thấy Tỳ-kheo-ni ở trong hư không cùng lục sư nghị luận, song lục sư không thể đáp được một câu, dân chúng vui mừng kêu to:

- Ngày nay, lục sư bị Tỳ-kheo-ni khuất phục.

Lục sư hổ thẹn ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, không dám trở lại. Bấy giờ, nhiều thầy Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo-ni Du-lô cùng lục sư nghị luận đắc thắng, liền đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật, bạch lại việc trên.

Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo-ni Du-lô có đại thần túc, có đại oai thần, trí tuệ đa văn, ta hằng nghĩ rằng: “Không có ai tranh luận với lục sư nổi, chỉ có Như Lai và Tỳ-kheo-ni này.”

Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

- Các ông thấy những Tỳ-kheo-ni khác, có ai hay hàng phục ngoại đạo như Tỳ-kheo-ni này chăng?

Chư Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn bảo:

- Trong hàng Thanh văn đệ tử của ta, vị Ni hay hàng phục ngoại đạo, Tỳ-kheo-ni Du-lô là bậc nhất.

(Trích dịch kinh Tăng Nhất A-hàm)

Sư ni SUNDARĪ NANDĀ (Tôn-đà-lợi Nan-đà) - Thiền định đệ nhất -

Trong thời đức Phật hiện tại, bà được sanh trong một gia đình quý tộc thuộc dòng họ Thích-ca, tên là Nandā. Bà có danh là Nandā hoa khô.

Bậc Thế Tôn giác ngộ, đi đến Kapilavatthu và độ cho Nanda và Rāhula xuất gia. Khi vua Suddhodana (Tịnh Phạn) mệnh chung và bà Mahāpajāpatī xuất gia, bà tự nghĩ: “Anh trưởng của ta đã chối từ không thừa tự quốc độ, xuất gia và trở thành đấng Thế Tôn, một bậc siêu nhân. Con của Ngài là Rāhula cũng xuất gia, anh của ta là Nanda cũng xuất gia. Mẹ của ta Mahāpajāpatī cũng xuất gia, chị của ta là mẹ của Rāhula cũng xuất gia. Vậy ta ở nhà làm gì, ta hãy xuất gia?”

Bà xuất gia không phải vì lòng tin, mà chính vì lòng thương yêu bà con trong gia đình. Bà xuất gia như vậy, nên sau khi từ bỏ gia đình, bà vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình và không chịu đến yết kiến đức Phật, vì sợ đức Phật quở trách bà.

Trường hợp của bà cũng giống như trường hợp Tỳ-kheo-ni Abhirūpa Nandā với sự sai khác: Khi bà thấy hóa thân của một nữ nhân do đức Phật hiện ra, nữ nhân ấy dần dần trở thành già xấu, tâm của bà dựa trên tánh vô thường và đau khổ, hướng đến thiền định.

Đức Phật thấy vậy, thuyết pháp cho bà như sau:

Nandā, hãy nhìn thân,

Bệnh, bất tịnh, hôi thối,

Hãy tu tâm bất tịnh,

Nhất tâm khéo định tỉnh.

Như thân này, thân ấy,

Như thân ấy, thân này,

Hồi thối và rửa nát,

Chỉ kẻ ngu thích thú.

Như vậy quán thân này,

Ngày đêm không mệt mỏi,

Với trí tuệ của người,

Do vậy hãy thoát ly.

With trí tuệ của người,

Thoát khỏi kiêu sắc đẹp,

Và người si nhìn thấy,

Với cái nhìn như thật.

Bà nghe theo lời dạy, với trí tuệ an trú vững chắc trên quả thứ nhất. Muốn giúp bà đạt được những quả vị cao hơn, Thế Tôn dạy thêm:

- Nay Nandā, trong cái thân này không có chút gì là tinh túy, chỉ là một đồng xương và thịt bị già chết chi phối.

Thành này làm bằng xương,

Quét tô bằng máu thịt,

Ở đây già và chết,

Mạn, lừa đảo chất chứa.

(Pháp Cú kệ 150)

Khi đức Phật nói xong, bà liền chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến sự chiến thắng của mình, bà sung sướng với lời dạy của Thế Tôn và nói thêm:

Với tâm không phóng dật,

*Như lý, quán thân ấy,
Tánh như thật thân này,
Được thấy trong và ngoài.
Ta nhàm chán thân này,
Nội tâm được ly tham,
Không phóng dật ly hệ,
Ta an bình tịch tịnh.*

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do HT. Minh Châu dịch)

Sư ni KISĀ GOTAMĪ (Cư-lê-xá Cù-đàm-di) - Thô y đệ nhất -

Bà sanh tại Sāvattthī, trong một gia đình nghèo khổ. Khi trưởng thành, bà được gả cho một gia đình giàu có và bị nhà chồng khinh thường. Đến khi bà sanh được một đứa con trai thì bà được đối xử tốt hơn. Nhưng bất ngờ, đứa con bị bệnh và chết, bà đau khổ phát cuồng, bèn ẵm xác con đi khắp nơi cầu xin cứu chữa.

Bà đến tỉnh xá xin Thế Tôn cứu đứa bé, đức Phật bảo bà hãy đến nhà nào không có người chết bao giờ, xin về một hạt cải, Thế Tôn sẽ cứu được đứa bé. Bà đem xác con đi từng nhà tìm xin, nhưng nhà nào cũng có người chết. Bà chợt tỉnh ngộ, hiểu được lời Thế Tôn dạy, bèn đem con vào nghĩa địa, rồi xin Phật xuất gia. Thế Tôn thuyết pháp, ngay đó bà liền chứng được Sơ quả và được gia nhập Ni đoàn. Do tinh tấn triển khai thiền quán, chẳng bao lâu bà chứng A-la-hán và được Thế Tôn khen ngợi bà là Tỳ-kheo-ni Thô y đệ nhất.

Sư ni PAṬĀCĀRĀ (Ba-la-giá-la) - Trì luật đệ nhất -

Trong thời đức Phật hiện tại, bà sanh trong gia đình vị thủ ngân khố của nhà vua ở Sāvattthī. Đến tuổi trưởng thành, bà giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ định ngày gả bà cho một chàng trai xứng đôi, bà trốn đi với tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ. Lúc sắp sanh, bà bảo chồng đưa về nhà cha mẹ, vì ở đây

không ai sẵn sóc, nhưng chồng bà cứ hẹn lần lữa. Cho đến khi biết chồng không muốn đi về, bà liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi bỏ về nhà cha mẹ. Người chồng về liền đuổi theo gặp bà, giữa đường bà sanh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng.

Đến kỳ sanh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: Giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái chòi cho bà tránh mưa, nhưng bị con rắn từ gò mối bò ra cắn chồng bà chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng, bà bồng đứa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn bà nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con và trải qua một đêm như vậy.

Đến sáng bà đi tìm chồng và thấy chồng bị rắn cắn chết rồi, bà khóc than suốt đêm. Vì mưa to nước sông dâng lên đến đầu gối, bà lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con để lội qua sông. Bà để đứa lớn ở bờ bên này, bồng đứa nhỏ lội qua sông. Bà đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại và để nó trên bờ bên kia. Bà lội trở lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng thấy một con diều hâu bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dù bà xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Đứa bé lớn bên bờ này nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu, liền lội xuống sông nên bị nước cuốn trôi.

Thế là người chồng và cả hai đứa con đều bị chết. Bà vừa khóc vừa đi về thành Sāvatthī, lại được tin mưa to gió lớn hồi hôm đã làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ bà. Cha mẹ và em đều chết vừa làm lễ hỏa táng xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp chồng chết, bà hóa điên dại, ăn mặc hổ hang, bà vừa khóc vừa than:

Hai con ta đã chết,

Chồng ta cũng chết luôn,

Rồi trên giàn hỏa táng,

Cha ta và mẹ ta,

*Cùng đứa em trai ta,
Vừa làm lễ thiêu đốt!*

Bà đi lang thang đây đó, khóc than nỗi khổ đau của mình. Vì bà mang xiêm áo tả tơi, bà được gọi là Paṭācārā (kẻ mang xiêm áo). Người đi đường thấy thế gọi bà là người điên, có kẻ ném đá, có người quăng đồ nhộp bụi bặm lên bà.

Bậc Đạo sư ở Jetavana (Kỳ Viên) đang thuyết pháp, thấy bà đi vào, biết căn cơ trí tuệ của bà đã chín muồi, ngăn cản không cho người xua đuổi và cho phép bà lại gần, khiến hồi tỉnh lại. Cảm thấy xấu hổ, bà nằm phục xuống đất. Một người đưa cho tấm y, bà quấn vào mình và thỉnh Phật cứu độ. Bà kể lại thân phận:

- Thế Tôn, hãy cứu độ cho con. Một đứa con của con bị điều hâu mang đi, một đứa bị nước cuốn trôi, chồng con bị rắn cắn chết, cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ đè chết vừa hỏa táng.

Đức Phật nói:

- Nay Paṭācārā, đừng nghĩ rằng người đến với một người có thể cứu độ cho người. Như nay người than khóc vì con chết, vì chồng chết, vì cha mẹ chết. Cũng vậy, người đã than khóc trong kiếp luân hồi của người vì rằng con, chồng và cha mẹ chết của người còn nhiều hơn nước sông bốn biển.

*Nước bốn biển ít hơn,
Nước mắt của loài người,
Khóc than vì đau khổ,
Vậy sao nàg hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,
Trong khóc than sâu khổ!*

Nghe Thế Tôn dạy về con đường diệt khổ, nỗi khổ đau của bà được nhẹ dần. Đức Phật khuyên thêm:

- Ôi Paṭācārā! Một người mệnh chung thì con cháu, bà con không có thể làm chỗ nương tựa. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn.

Rồi đức Phật dạy:

*Các con, cha, bà con,
Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mệnh chung,
Bà con huyết thống nàng,
Không thể che chở nàng!
Thấy được sự thật này,
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn!*

Bậc Đạo sư nói xong, bà chứng được quả Dự lưu và xin xuất gia. Đức Phật đưa bà đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép được xuất gia. Bà tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước rửa chân, khi đổ nước thấy nước chảy một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Bà đổ thêm nước và con đường nước chảy dài hơn. Đến lần thứ ba bà lại đổ nước, con đường nước chảy dài hơn và biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, bà nghĩ: “Cũng vậy là loài người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già.”

Đức Phật ở tại hương phòng phóng hào quang hiện ra trước mặt bà và dạy rằng:

- Hỡi Paṭācārā, như vậy là cuộc sống của loài người, cuối cùng cũng phải mệnh chung. Vậy tốt hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn. Dù cho chỉ thấy được một ngày hay chỉ một sát-na, còn hơn là sống một trăm năm mà không thấy được sự thật ấy.

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.*

(Pháp cú 113)

Khi Thế Tôn nói xong, Paṭācārā chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình khi còn là một học nữ, bà tán thán sự kiện đã giúp bà được quả vị cao hơn và nói bài kệ:

*Với cày, cày ruộng đất,
Gieo hạt giống trên đất,
Loài người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.
Sao ta giới đầy đủ,
Làm theo Đạo sư dạy,
Lại không chứng Niết-bàn
Không nhác, không dao động?
Khi ta đang rửa chân,
Làm cho dòng nước chảy,
Thấy được nước rửa chân,
Từ cao chảy xuống thấp,
Nhờ vậy tâm được định,
Như ngựa hiền khéo luyện.
Rồi ta cầm cây đèn,
Bước vào ngôi tinh xá,
Nằm trên chiếc giường nhỏ,
Ta nhìn quán ngọn đèn.*

*Rồi lấy cây kim nhỏ,
Dìm tim đèn xuống dầu,
Thấy cây đèn Niết-bàn,
Tâm ta được giải thoát.*

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do HT. Minh Châu dịch)

Sư ni SONĀ (Tô-na) - Tinh tấn đệ nhất -

Trong thời đức Phật hiện tại, bà được sanh trong một gia đình quý tộc ở Sāvattthī. Sau khi lập gia đình, bà sanh được mười con trai con gái nên có biệt danh là “người nhiều con”. Khi chồng xuất gia, bà giao lại cho các con cai quản gia đình và giao cả gia sản cho con trai, không giữ gì cho thân mình. Các con trai và con dâu nuôi dưỡng bà, không bao lâu trở mặt khinh rẻ. Bà buồn cho thái độ của các dâu con, nên xuất gia trở thành Tỳ-kheo-ni.

Bà suy nghĩ, lớn tuổi mới xuất gia nên hết sức tinh cần tinh tấn. Trong khi hầu hạ các Trưởng lão ni, bà thức đêm tu học, bà kiên trì học tập không biếng nhác không xao nhãng, như người chụp nắm các cột trong mái hiên hay chụp nắm cành cây trong đêm tối để tránh đầu khỏi va chạm. Hạnh tinh tấn của bà được mọi người biết. Bạc Đạo sư biết trí tuệ của bà đã chín muồi, nên phóng hào quang hóa hiện trước mặt bà và nói bài kệ:

*Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.*

(Pháp cú 114)

Khi đức Phật nói câu này xong, bà chứng quả A-la-hán, Thế Tôn tán thán bà là Tỳ-kheo-ni tinh tấn đệ nhất. Một hôm, suy tư đến quả chứng của mình, bà phấn khởi nói lên những bài kệ:

Ta sanh được mười con,
Trong thân chất chứa này,
Do vậy ta già yếu,
Ta đến Tỳ-kheo-ni.
Bà thuyết pháp cho ta,
Về uẩn xứ và giới,
Nghe pháp bà thuyết giảng,
Cắt tóc ta xuất gia.
Ta học lời bà dạy,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Ta biết các đời trước,
Chỗ ta sống đời trước.
Ta tu pháp vô tướng,
Nhất tâm khéo thiên định,
Tức thời ta giải thoát,
Không chấp thủ tịch tịnh.
Năm uẩn được liễu tri,
Đứng lại, gốc bị cắt,
Tham dục, ta không có,
Căn cứ địa kiên trì?
Từ nay ta không còn
Vấn đề phải tái sanh.

(Trích dẫn Trưởng Lão Ni Kệ do HT. Minh Châu dịch)

NHƯ LAI THIÊN TRUNG HOA

Sư ni TĂNG QUẢ ở Quảng Lăng

Sư tục danh Triệu Pháp Hựu, quê ở Tu Võ, Cấp Quận. Thuở nhỏ, Sư tánh tình thành tín chất phác tự nhiên. Tuy nhỏ mà không ăn quá ngọ, cha mẹ cho là khác thường. Đến khi thành nhân, Sư quyết tâm tiến bước trên con đường giải thoát, thế mà đến năm hai mươi bảy tuổi mới được xuất gia.

Sư thờ sư ni Huệ Thông ở Quảng Lăng làm thầy. Sư tu hành giới luật rất nghiêm minh, thiền quán thanh bạch. Mỗi khi Sư nhập định đến đôi ba ngày mới xuất. Tâm chuyên trong tịnh cảnh, hình tướng như cây khô, những kẻ thô thiển không thể hiểu thấu được.

Niên hiệu Nguyên Gia thứ sáu (429) Lưu Tống Văn Đế, có thuyền chủ Nan-đề chở một số ni từ nước Sư Tử (Tích Lan) đến, tạm trú tại chùa Cảnh Phước, kinh đô nhà Tống, chư ni ấy hỏi Sư:

- Nước này từ trước đến nay có Ni ngoại quốc đến chăng?

Sư đáp:

- Chưa có.

Chư ni hỏi:

- Các vị Ni xứ này trước đây thọ giới làm sao có đủ hai bộ Đại tạng?

Sư đáp:

- Chỉ theo Sư tăng thọ giới, không có Sư ni. Bởi do nhận hiểu Phật pháp và tín tâm kính trọng là phương tiện được giới. Như bà Đại Ái Đạo do pháp Bát kinh mà đắc giới, sau này mới làm Hòa thượng cho năm trăm Thích nữ xuất gia thọ giới.

Tuy Sư đáp như thế, nhưng trong lòng vẫn chẳng an, Sư đến hỏi Pháp sư và được giải đáp giống như ý kiến của Sư. Sư thưa:

- Nếu có đủ hai bộ Đại tạng, có thọ giới lại được chăng?

Pháp sư đáp:

- Giới định tuệ càng sâu càng quý, thọ lại thêm tốt có hại gì!

Niên hiệu Nguyên Gia thứ mười (433) thuyền chủ Nan-đề lại chở mười một vị ni từ nước Sư Tử, sư ni Thiết-tát-la... sang kinh đô Tống. Những vị ni đến trước đã thông tiếng Trung Hoa nên tổ chức giới đàn tại chùa Nam Lâm, thỉnh pháp sư Tăng-già-bạt-ma (Samghavarman) làm chủ đàn.

Sư và ni chúng đồng xin thọ giới, đến trên ba trăm vị. Niên hiệu Nguyên Gia thứ mười tám (441) Sư được ba mươi tư tuổi, một hôm tọa thiền quên mất thời gian, trải qua nhiều ngày mà không xuất định. Duy-na thấy thế cố tình xúc chạm đến thân mà không thấy động, kinh hãi chạy đến báo cho ban chức sự trong chùa hay, cả chúng đồng đến xem, thấy thân Sư ngồi như chết chỉ còn hơi ấm, họ toan khiêng Sư dời sang nơi khác. Do nghe tiếng ồn ào, Sư liền xuất định, cười nói như thường.

Không biết sau này Sư tịch lúc nào và ở đâu.

Sư ni TỊNH XỨNG chùa Trúc Lâm

Sư tục danh Lưu Thắng, quê ở Tiêu Quận. Sau khi xuất gia Sư giới luật tinh nghiêm, trì kinh không biết mỗi một. Chùa nằm trên sườn núi, chung quanh rừng rậm thâm u vắng bật mọi âm ba tạp nhập thế gian. Sư chuyên tâm tu thiền định, gột sạch trần lao.

Dưới núi có một người mất trâu, tìm kiếm mãi tới tối mà không được. Trông lên sườn núi, dường như lửa cháy sáng rực một vùng, họ tìm đến nơi lại là chùa Trúc Lâm mà không có lửa cháy. Thường ngày có con cọp theo hầu Sư, tùy đi đâu nó liền theo bên cạnh, Sư ngồi thiền nó cũng ngồi một bên. Trong chùa nếu có vị ni nào phạm tội chưa kịp sám hối, nó gầm thét dữ dội cho đến khi nào sám hối mới thôi.

Hôm nọ Sư có việc xuống núi, đi đường bỗng gặp một người nữ ở miền bắc tên Cửu Văn Khương, quê ở Bắc Bình, hỏi chuyện nhau

thân mật như người bạn cũ. Cô vì hâm mộ Phật pháp, nghe phương nam Phật pháp mở rộng, nên trốn tìm sang đây cầu xin xuất gia. Sư cảm mến thấu nhận về chùa cho xuất gia.

Cô cố gắng khổ tu như Sư không kém. Hai vị không cần ăn cơm, chỉ ăn mè bắp mà thôi. Tiếng đồn đến kinh đô nước phương Bắc, họ tôn xưng là bậc thánh nhân, sai người đến đón rước hai vị. Hai vị vì không thích ở biên cảnh nên tìm cách cho họ chán ghét. Khi vua phương Bắc thiết trai tịnh soạn cúng dường, hai vị ăn uống coi như thích thú, khiến họ bớt lòng kính trọng. Được cơ hội tốt, hai vị xin lui về chùa cũ.

Đến năm 93 tuổi, Sư không bệnh ngồi kiết già viên tịch.

Sư ni PHÁP BIỆN chùa Cảnh Phước

Sư quê ở Đơn Dương, xuất gia lúc còn bé, là đệ tử Sư ni Huệ Quả chùa Cảnh Phước. Sư tánh tình trung cần, nói năng thanh nhã, động tác hợp luật, áo thô cơm hẩm. Danh tiếng Sư đồn đến kinh thành. Thứ sử Dương Châu, Lang Da Vương Úc rất sùng mộ kính trọng.

Về sau, Sư theo học thiền quán với thiền sư Cương-lương-da-xá (Kālayāsa) tu hành đến chỗ tinh mật. Mỗi khi cùng chúng tọa thiền, Sư nhập định quên cả động tịnh, mãi giờ chuông xả đi tứ tán, chỉ riêng Sư ngồi như người chết. Duy-na thấy lạ báo tin cho cả chúng đến xem. Đến mấy giờ sau, Sư mới tự động xả thiền. Toàn chúng đều quý kính sự tu hành đặc lực của Sư.

Niên hiệu Đại Minh thứ bảy (463) nhà Lưu Tống, Sư thị tịch, thọ hơn sáu mươi tuổi.

Sư ni HUỆ TỰ chùa Tập Thiện (431 - 499)

Sư họ Chu, người quê Cao Bình, Lữ Khâu, tánh tình chất phác trầm lặng, tiết tháo như nam nhi, nói năng bộc trực. Bảy tuổi đã biết ăn chay, ý chí dũng mãnh. Năm mười tám tuổi, Sư xuất gia ở chùa Tam Tăng Kinh Châu.

Sư giới luật tinh nghiêm, trong đạo ngoài đời đều khen ngợi. Khi ấy tại Giang Lăng có vị ni ở ẩn người Tây Thổ (Trường An) nổi tiếng đức hạnh, thấy Sư lấy làm lạ bèn cùng nhau kết bạn tu hành. Hai vị cùng an cư nhập hạ, tập tu Bát-chu tam-muội (Pratyutpanna Samādhī) thân tâm tinh tấn ngày đêm không nghỉ.

Thẩm Du Chi làm thứ sử Phổ Sa ra lệnh cho tăng ni hoàn tục. Sư lánh nạn ở ngoại thành, đến khi họ Thẩm bị dẹp, Sư trở lại Tây. Nam Tề thái úy đại tư mã Dự Chương Vương hoàng tử Tiêu Nghi trấn thủ tại Kinh Thiểm, nghe Sư có đạo hạnh, cho người thỉnh vào nội cung cúng dường tứ sự.

Khi ấy có thiền sư Huyền Sướng từ đất Thục đến Kinh Châu, Sư nghe tên đến cầu học pháp thiền và nghiên cứu chỗ tinh diệu. Huyền Sướng từng khen ngợi Sư đã tu tập nhiều đời. Sư đã giỏi pháp thiền lại trai giới nghiêm mật. Tại Dự Chương, vương phi và nội cung quyến thuộc đều kính tin và thọ pháp thiền với Sư. Mỗi khi thí chủ cúng vật thực, Sư nhận xong liền phân chia, không có ý cất giữ. Sư nuôi dưỡng ý chí cao viễn, không bận tâm đến mưu sinh sản nghiệp.

Vương trở về kinh đô, thỉnh Sư cùng đi. Vương lập ngôi chùa Phước Điền tại phía đông phủ đệ ở Đông Điền, Sư thường vào đây hành đạo.

Niên hiệu Vĩnh Minh thứ chín (491) nhà Nam Tề, bỗng nhiên Sư tự la: “Gấp, gấp, bệnh khổ.” Nhan sắc Sư vẫn bình thường, chỉ không chịu ăn, nên thân thể tiêu tụy. Sư một bề đòi trở về chùa cũ. Về đến nơi là bình phục ngay. Song hơn mười ngày, Sư lại bị thỉnh trở lại. Về đến chùa Phước Điền, bệnh cũ của Sư tái phát, mọi người không biết lý do gì. Bỗng nhiên Vương qua đời, gia đình gặp họa liên tiếp. Vua Tề Vũ Đế lấy Đông Điền làm phụ cận, bèn dựng chùa Tập Thiện, dời Sư và ni chúng đến chùa Tập Thiện, còn chùa Phước Điền cho đạo nhân A-lê người ngoại quốc ở.

Từ ngày đến chùa Tập Thiện ít khi Sư bước chân đến Đông Điền. Phật tử vùng này vì kính trọng ni chúng, hằng thỉnh cầu Sư trở lại

đây để họ cúng dường. Trúc phu nhân muốn lập thiên trai, cho người đến thỉnh Sư, Sư hứa khả, bảo:

- Rất tốt, bản đạo sẽ đến cùng quý phu nhân từ biệt.

Sư đến nơi, thọ trai xong, đòi bút mực viết:

Người đòi hoặc chẳng biết,

Gọi ta là bà Chu.

Trai bảy ngày chột thỉnh,

Thiên trai mãi chẳng thôi.

Viết xong, Sư cười nói như thường, để lời từ biệt:

- Hôm nay ra khỏi chùa là vĩnh biệt, tuổi già không thể trở lại.

Sau khi về chùa hơn một tháng, Sư cho hay có bệnh, qua mấy ngày liền tịch, thọ 69 tuổi. Nhâm ngày hai mươi tháng mười một niên hiệu Vĩnh Nguyên năm đầu (499) Tề Đông Hôn Hầu.

Sư ni ĐÀM HUY chùa Trường Lạc (422 - 504)

Sư tục danh Thanh Dương Bạch Ngọc, quê ở Thành Đô. Thuở nhỏ Sư đã mộ đạo tu hành mà cha mẹ không cho. Niên hiệu Nguyên Gia thứ chín (432), thiên sư Cương-lương-da-xá (Kālayāsa) người Thiên Trúc vào đất Thục hoàng hóa thiên quán. Khi ấy Sư được mười một tuổi, xin cha mẹ thỉnh Thiên sư về nhà để thưa hỏi pháp thiên, cha mẹ bằng lòng. Da-xá một phen trông thấy Sư liền khen: “Người này có phần”, rồi chỉ dạy cho tu tập, đồng thời bảo ni Pháp Dục hàng ngày lui tới dạy bảo.

Cha mẹ Sư đã hứa hôn cho người bà con cô cậu, một hôm Sư bỏ nhà trốn đi tu, được ni Pháp Dục đón về chùa. Sư lập thệ rằng: “Nếu đạo tâm con không toại, còn bị sự bức bách, thể tự thiêu thân.”

Thứ sử Chân Pháp Sùng nghe được điều này, sai người rước Sư vào nha môn. Ông cho mời hết tăng ni, người trí thức cùng nha lại họp mặt đông đủ. Ông đứng ra hỏi Sư:

- Người xét kỹ, có thể xuất gia trọn đời được chăng?

Sư đáp:

- Tôi phát nguyện đã lâu, xin Ngài thương cứu giúp.

Pháp Sùng khen tốt. Đồng thời sai người cho bên cô (nhà chồng hứa hôn) của Sư hay và bảo cho Sư được xuất gia. Bên nhà cô nghe dạy không dám cưỡng lý. Năm ấy Sư mới mười ba tuổi, xuất gia với ni Pháp Dục, cho hiệu là Đàm Huy.

Từ đấy Sư tu tập Thiền quán. Vừa hạ thủ công phu liền được chánh định. Trong chánh định Sư thấy hai luồng hào quang xuất hiện, một sáng như mặt trời, một trong như mặt trăng. Chính trong định Sư thâm nghĩ: “Hào quang sáng là đạo Bồ-tát, hào quang trong là pháp Thanh văn. Nếu quả như vậy thì cho hào quang trong mất, hào quang sáng còn.” Ngay lúc Sư nghĩ, hào quang trong biến mất, hào quang sáng hiện lên. Khi xả thiền, Sư đem việc này trình cho Pháp Dục nghe, Pháp Dục rất hoan hỷ, khen lành.

Đến khi Sư được mười sáu tuổi, bên nhà chồng nghi Sư dối gạt, sai người đến uy hiếp bắt đem về nhà. Bị bắt về nhà chồng, Sư kiên quyết thủ tiết, thà chết không cho xâm phạm. Việc tố lên Châu, cuối cùng bên chồng phải trả Sư về chùa.

Thứ sử nghe việc này rất khâm phục, đến hỏi ngài Cương-lương-da-xá, Da-xá đáp:

- Người này thiện căn sâu dày, chỗ để trái bần nguyện.

Sau này, ngay trong lúc tọa thiền, Sư nhận rõ nghĩa Phật tánh, thường trụ Đại thừa... mà không do thầy dạy. Những bậc danh sư nghe tiếng, đua nhau đến cật lực vấn nạn, mọi người đều được thỏa mãn. Danh của Sư đồn khắp xa gần, đương thời đều kính phục.

Niên hiệu Nguyên Gia thứ mười chín (442), Lâm Xuyên Vương tới Nam Duyện mời Sư đến thị trấn. Năm đó Sư được hai mươi một tuổi. Quan phiêu kỵ Thiểm Châu lại đưa Sư về Nam Sở, nam nữ đạo

tục đưa tiền có đến một nghìn hai trăm người. Sau này mẹ Sư đến thăm và mời về quê hương.

Do đức hạnh của Sư cao sâu nên đồ chúng ngày càng đông. Sư vận động xây cất tháp miếu điện đường ở phía tây bắc, hoàn thành một cách nhanh chóng. Lại xây dựng thêm ba ngôi chùa, thấy đều thần tốc. Dân chúng tán thán do thần lực gia trì, người thường không thể nào làm được.

Niên hiệu Thiên Giám thứ ba (504) Sư được 83 tuổi, có chút ít bệnh, ngồi kiết già thị tịch. Tuy không cho hay mà quan dân kéo đến dự lễ rất đông.

Sư ni TĂNG THUẬT chùa Nhàn Cư (432 - 515)

Sư họ Hoài, người Bành Thành, cha là Tăng Trân dời đến ở Kiến Khang. Khi lên tám tuổi, Sư đã có chí mộ đạo và ăn chay.

Niên hiệu Nguyên Gia thứ hai mươi bốn (447), Sư được mười sáu tuổi liền theo ni sư Tịnh Tú ở chùa Thiên Lâm xuất gia. Sư tu hành tinh tấn, giới luật không khiếm khuyết, xem khắp các kinh luật, sau chuyên về văn nghĩa Thập tụng. Sư học thiền quán với hai thiền sư Ấn và Thẩm, được các môn tam-muội.

Hai thiền sư này dời về Thiên Lâm, trong giới thiền học rất quý kính nên đua nhau học tập khá đông. Bởi người lui tới tấp nập, nên chùa Thiên Lâm trở thành ồn náo. Sư muốn tìm chỗ vắng vẻ ẩn cư. Mẹ của Lâm Xuyên Vương nhà Lưu Tống là Trương quý tần biết ý chí của Sư, muốn cúng ngôi nhà đang ở làm chùa, Sư từ chối không nhận.

Niên hiệu Nguyên Huy thứ hai (474) mẹ Nhữ Nam Vương là Ngô Sung Hoa đứng ra xây cất ngôi chùa, gồm cả phòng nhà hơn năm mươi gian, thỉnh Sư trụ trì. Sư cùng bạn đồng hành hai mươi vị đến đây tu hành, lấy thiền tịch làm thú vui, nên đặt tên chùa là Nhàn Cư.

Thời loạn Tống Tề, thế đạo nhiễu nhương, song Sư một bề tu hành thanh tịnh, thiên định miên mật, phong trần chẳng động. Tề Văn Đế, Cảnh Lăng Văn Tuyên Vương đối với Sư rất trọng hậu, sửa sang một ngôi chùa, mỗi mỗi đều trang nghiêm đẹp đẽ, quanh năm cúng dường không dứt.

Đến nhà Lương, thiên hạ thái bình, dân chúng mộ đạo, tăng tục bốn phương đua nhau dâng cúng. Song Sư vẫn không chất chứa của cải riêng, tùy có liền chia, hoặc chẩn tế cho tứ chúng hoặc làm phước phóng sanh. Đời Sư tạo được năm pho tượng Phật, chép kinh luật hơn một nghìn cuốn.

Niên hiệu Thiên Giám thứ mười bốn (515) nhà Lương, Sư ngôi kiết già thị tịch, thọ 84 tuổi.

TỔ SƯ THIÊN TRUNG HOA

Sư ni TỔNG TRÌ (thời Nam Bắc Triều)

Sư ni họ Tiêu, tên Minh Luyện, húy Đạo Tích, là con gái của vua Lương Võ Đế, sau khi xuất gia hiệu là Tổng Trì. Không rõ sinh và mất năm nào, chỉ biết Sư ni đặc pháp với tổ Bồ-đề-đạt-ma (Bodhidharma).

Tổ Bồ-đề-đạt-ma ở Trung Quốc gần chín năm, thấy cơ duyên đã đến, một hôm gọi đồ chúng đến hỏi:

- Sắp đến giờ ta trở về, các người mỗi người nên nói rõ chỗ sở đắc của mình.

Thiên sư Đạo Phó ra thưa:

- Theo chỗ thấy của con, chẳng chấp văn tự chẳng lìa văn tự, đây là dụng của đạo.

Tổ bảo:

- Người được phần da của ta.

Sư ni Tổng Trì ra thưa:

- Nay chỗ hiểu của con, như tổ A-nan thấy nước Phật A-súc, chỉ thấy một lần không còn thấy lại.

Tổ bảo:

- Người được phần thịt của ta.

Thiên sư Đạo Dục ra thưa:

- Bốn đại vốn không, năm uẩn chẳng có, chỗ thấy của con, không một pháp có thể được.

Tổ bảo:

- Người được phần xương của ta.

Đến thiên sư Huệ Khả bước ra đánh lễ Tổ, rồi đứng yên. Tổ bảo:

- Người được phần tủy của ta.

Sau đó, Sư ni lui về ẩn cư trên ngọn Biện Phong, hơn hai mươi năm không xuống núi. Đến khi Sư ni viên tịch, đệ tử nhập tháp kính thờ. Tháp hiện cách chùa Thiếu Lâm khoảng năm dặm.

Sư ni HUYỀN CỎ am Tịnh Cư (645 - 720)

Ni sư họ Tạ, người Dư Diêu, Chiết Giang. Sư xuất gia từ nhỏ, lời nói thoát tục. Khi đi tham học, Sư gặp được Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng tại Cám Châu, Giang Tây. Sư quyết định ở lại, lễ bái nhận bà làm thầy, nhưng Lão ni không muốn, nói với Sư:

- Ta sắp rời nhân thế, con nên lại đi về phương Nam. Ở đó có pháp môn Tào Khê, mới là nơi con nương tựa vậy.

Sư nhất quyết xin bà thuận nhận. Không nỡ từ chối, bà đồng ý và đặt pháp danh cho Sư. Sư thân cận hầu hạ ba năm thì bà viên tịch (năm 676), Sư mang theo xá-lợi của Lão ni đến Tào Khê. Tại chùa Bảo Lâm, Lục Tổ nghe trình bạch của Sư, im lặng hồi lâu, thở dài cảm thán. Sư thưa di chúc của bà, ba lần xin Lục Tổ thuận nhận Sư làm đệ tử. Tổ nhận lời, xoa đánh truyền giới. Tổ sai dựng am Vô Tận bên cạnh chùa Nam Hoa cho Sư, trong thờ đại sĩ Quán Âm và tôn trí xá-lợi ni Vô Tận Tạng. Gần cuối đời, Sư trở về Chiết Giang, môn đệ và tín đồ xây dựng am Tịnh Cư cho Sư tại Ôn Châu. Trọn đời Sư hoằng hóa thiền pháp Lục Tổ.

Khoảng niên hiệu Cảnh Vân (710-712) nhà Đường, Sư thường tập thiền định trong thạch thất ở núi Đại Nhật. Một hôm Sư tự nghĩ: “Pháp tánh tràm nhiên vốn không đến đi. Chán chỗ ồn cầu chỗ vắng, đâu phải là người đạt đạo.”

Sư tham vấn thiền sư ở Tuyết Phong. Khi đến, Tuyết Phong hỏi:

- Từ đâu đến?

Sư thưa:

- Từ núi Đại Nhật đến.

Tuyết Phong hỏi:

- Nhật xuất hay chưa?

Sư thưa:

- Nếu xuất thì Tuyết Phong tan mất.

Tuyết Phong hỏi:

- Người tên gì?

Sư thưa:

- Huyền Cơ.

Tuyết Phong hỏi:

- Một ngày dật được bao nhiêu?

Sư thưa:

- Tắc tơ chẳng dính.

Rồi lễ bái thối lui. Sư vừa đi được dăm ba bước, Tuyết Phong gọi:

- Góc ca-sa chấm đất.

Sư xoay đầu lại, Tuyết Phong bảo:

- Hay lắm, tắc tơ chẳng dính.

Sư có làm một thiên Viên Minh Ca bày tỏ kiến giải tương tự như Chúng Đạo Ca. (Có tư liệu ghi Sư là em gái thiền sư Huyền Giác (665-713) nhưng y cứ theo Nam Hoa sử lược thì không hợp lý.)

Khi tịch Sư đảo ngược thân, pháp quyến quả là điên đảo, bèn ngã xuống. Chiều đem chôn, bị sấm dời đi. Qua hai ngày, có người từ núi Đại Nhật đến nói:

- Chiều nay, trên không trung có tiếng tiêu tiếng khánh là quan tài của Huyền Cơ đã đặt trên đỉnh núi.

Đệ tử rước xá-lợi về chùa, dựng tháp hiệu Viên Minh.

Sư ni LIỄU NHIÊN ở Mạt Sơn

Sư là đệ tử của thiền sư Đại Ngu, sau khi ngộ đạo đến trụ tại Mạt Sơn. Thiền sư Quán Khê Nhàn (đã ngộ đạo nơi tổ Lâm Tế) đi du

phương đến núi này, tự nói: “Nếu khế hợp thì ở, chẳng vậy thì xô ngã giường thiền.”

Nhàn vừa vào tăng đường, Sư sai thị giả đến hỏi:

- Thượng tọa du phương đến hay vì Phật pháp đến?

Nhàn đáp:

- Vì Phật pháp đến.

Sư liền lên tòa. Nhàn đến tham vấn, Sư hỏi:

- Hôm nay Thượng tọa rời nơi nào đến?

Nhàn đáp:

- Lộ khẩu.

Sư bảo:

- Sao không đây lại?

Nhàn không đáp được, liền lễ bái hỏi:

- Thế nào là Mạt Sơn?

Sư đáp:

- Chẳng bày danh.

Nhàn hỏi:

- Thế nào là chủ Mạt Sơn?

Sư đáp:

- Chẳng phải tướng nam nữ.

Nhàn nạt rằng:

- Sao chẳng biến đi.

Sư đáp:

- Chẳng phải thân chẳng phải quý, biến cái gì?

Nhàn kính phục, ở lại làm Tri viên ba năm.

Sau, về trụ Quán Khê, thiền sư Nhàn thượng đường:

- Tôi ở Lâm Tế được nửa muống, ở Mật Sơn được nửa muống, cộng thành một muống. Ăn xong đến nay vẫn no chẳng hề đói.

Có vị tăng đến tham vấn, Sư bảo:

- Rất lam lũ vậy!

Tăng đáp:

- Tuy nhiên như thế vẫn là sư tử.

Sư bảo:

- Đã là sư tử, vì sao bị Văn-thù cười?

Tăng không đáp được.

Tăng hỏi:

- Thế nào là tâm cổ Phật?

Sư đáp:

- Thế giới nghiêng đổ.

Tăng hỏi:

- Thế giới vì sao nghiêng đổ?

Sư đáp:

- Trọn không thân ta.

Sư có làm bài kệ Pháp thân:

Ngũ uẩn sơn đầu cổ Phật đường,

Tỳ-lô trú dạ phóng hào quang.

Nhược năng ư thủ phi đồng dị,

Tức thị Hoa Nghiêm biến thập phương.

Dịch:

Trên chót năm uẩn nhà Phật xưa,

Pháp thân hằng lúc phóng hào quang.

Nếu hay trong đó không đồng dị,

Quả thật Hoa Nghiêm khắp thập phương.

Sư ni LƯU THIẾT MA

Sư là đệ tử Quy Sơn Linh Hựu, có cất một am tranh cạnh sườn núi Quy. Một hôm Sư đến yết kiến Quy Sơn, Quy Sơn hỏi:

- Con trâu cái, người mới đến?

Sư thưa:

- Ngày mai ở Đài Sơn có lễ trai tăng, Hòa thượng đi chăng?

Quy Sơn ra bộ nằm ngủ. Sư trở bước lui ra.

Một hôm, hòa thượng Tử Hồ (đệ tử Nam Tuyền) đến tham vấn Sư. Tử Hồ hỏi:

- Có phải Lưu Thiết Ma chăng?

Sư thưa:

- Chả dám!

Tử Hồ hỏi:

- Xoay bên trái hay bên phải?

Sư thưa:

- Hòa thượng chó điên đảo.

Tử Hồ liền đánh.

Bởi chỗ đối đáp lạnh lẽ của Sư khiến mọi người đều kính nể nên gọi là Lưu Thiết Ma (chữ “thiết ma” nghĩa là mài sắt).

Tăng hỏi Phong Huyệt:

- Quy Sơn nói: “con trâu cái, người mới đến” là ý chỉ gì?

Phong Huyệt đáp:

- Chỗ mây trắng dày, rộng vàng mùa.

Tăng hỏi:

- Lưu Thiết Ma nói: “ngày mai ở Đài Sơn có lễ trai tăng, Hòa thượng đi chăng”, ý chỉ thế nào?

Phong Huyết đáp:

- Trong lòng sóng biếc, mặt trăng động.

Tăng hỏi:

- Quy Sơn làm thế nào, ý chỉ thế nào?

Phong Huyết đáp:

Già đến thân gầy ngày vô sự,

Nằm cao rảnh ngủ ngọn núi xanh.

Phong Huyết có bài tụng:

Cao cao phong đánh lập,

Ma ngoại mạc năng tri.

Thâm thâm hải để hành,

Phật nhãn thứ bất kiến.

Dịch:

Trên đỉnh cao phong đứng,

Ma ngoại nào hiểu chi.

Dưới đáy biển sâu đi,

Mắt Phật xem chẳng thấy.

Tuyệt Đậu tụng:

Tăng kỳ thiết mã nhập trùng thành,

Sắc hạ truyền văn lục quốc thanh.

Do ác kim tiên vấn quy khách,

Dạ thâm thùi cộng ngự nhai hành.

Dịch:

Từng cưỡi ngựa sắt vào trùng thành

Sắc lệnh truyền ra sáu nước an.

Vân nắm roi vàng hỏi quy khách,

Đêm khuya, đường vua ai đồng hành.

Sư ni PHÁP HẢI chùa Tây Trúc

Sư người phủ Khai Phong, là cô của Bảo Văn Các học sĩ (thời Tống Triết Tông) Lữ Gia. Sư bầm tánh lạnh lợi, ưa tu thiền định. Ban đầu Sư tham phỏng thiền sư Viên Thông Pháp Tú song chưa triệt. Sau, tham vấn thiền sư Thủ Nhất Pháp Chân (nổi pháp thiền sư Viên Chiếu Tông Bồn), ngay dưới lời của Pháp Chân, Sư nhận được tâm yếu. Sau khi đắc pháp bèn ẩn cư chùa Tây Trúc phủ Bình Giang. Các bậc danh nho thường đến thỉnh Sư ra ứng thế độ đời, nhưng Sư nhất quyết không nhận.

Khi sắp tịch, Sư nói kệ:

Sương thiên vân vụ kết,

Sơn nguyệt lãnh hàm huy,

Dạ tiếp cố hương tín,

Hiếu hành nhân bất tri.

Dịch:

Trời sương mây mù kết,

Núi lạnh trăng sáng đầy,

Đêm nhận tin quê cũ,

Sáng đi người chẳng hay.

Đến sáng, Sư ngồi kiết già mà hóa.

Sư ni HUỆ QUANG chùa Diệu Huệ

Sư nguyên họ Phạm ở Thành Đô, là cháu của người viết sách hiệu Đường Giám. Là pháp tôn thiền sư Phù Dung, Sư có tên trong

mười một người nổi pháp thiên sư Pháp Thành. Sư trụ trì Diệu Huệ Ni Tự ở Đông Đô.

Năm Chánh Hòa thứ ba (1113) vua Tống Huy Tông ban pháp y cho các trưởng lão nhà thiên trong cung, Sư cũng được thỉnh, vua ban Sư hiệu Tịnh Trí đại sư. Vua ra lệnh theo thứ tự thuyết pháp, Sư lại nhận lời cuối cùng. Lúc thăng tòa hỏi đáp xong, Sư quay nhìn đại chúng nói:

- Nếu luận việc nói đạo nói thiên thì các đại thiên sư đã nói hết rồi, còn bảo sơn tăng đến đây nói cái gì được nữa? Há không thấy tiên đức ngàn loại lời, muôn thứ kiến giải, chỉ muốn dạy các ông hằng đừng mê nữa đó sao. Đã như thế thì cuối cùng thế nào?

Sư lấy pháp y đội lên đầu, làm thỉnh một lúc, nói:

Y trùm trên đầu muôn sự thôi,

Lúc này sơn tăng trọn chẳng hội.

(Nạp bí mônng đầu vạn sự hưu, thử thời sơn tăng đô bất hội. - Bài ca Thảo Am của thiên sư Thạch Đầu.)

Nói xong, Sư xuống tòa.

Khi ấy người nghe cả tăng lẫn tục hàng vạn, đều thán phục.

Do đó xá nhân Hàn Tử Thương làm bài Minh đặt ở tháp của Sư, khen là bậc đa văn giỏi lý luận. Tháp của Sư dựng ở đất Thánh Tướng, Tây Sơn, Dự Chương.

Sư ni TRÍ THÔNG hiệu Không Thất đạo nhân

Sư là con gái quan Long đô Phạm Tuấn. Thuở nhỏ Sư rất thông minh, đến tuổi trưởng thành, thân phụ gả cho hiền tôn của thừa tướng Tô Tụng. Chẳng bao lâu, Sư chán cảnh phồn hoa, trở về nhà xin phép cha mẹ được xuất gia. Cha mẹ không chấp thuận, Sư đành ở nhà tu tại gia.

Nhân xem quyển Pháp Giới Quan, Sư có tỉnh ngộ, làm hai bài kệ nói lên kiến giải của mình:

Bài 1:

*Hạo hạo trần trung thể nhất như,
Tung hoành giao hồ ấn Tỳ-lư,
Toàn ba thị thủy, ba phi thủy,
Toàn thủy thành ba, thủy tự thù.*

Dịch:

*Bát ngát bụi hồng thể nhất như,
Dọc ngang xen lẫn ấn Tỳ-lư,
Sóng cùng là nước, sóng chẳng nước,
Nước tốt sóng thành, nước khác xa.*

Bài 2:

*Vật ngã nguyên vô dị,
Sum la kính tượng đồng,
Minh minh siêu chủ bạn,
Liễu liễu triệt chân không.
Nhất thể hàm đa pháp,
Giao tham đế võng trung,
Trùng trùng vô tận xứ,
Động tĩnh tất viên thông.*

Dịch:

*Vật ngã vốn không khác,
Sum la gương bóng đồng,
Lầu lầu siêu chủ bạn,
Vằng vặc suốt chân không.
Một thể gồm nhiều pháp,
Lưới đế châu trùng trùng,*

Lớp lớp không ngần mé,

Động tĩnh thấy viên thông.

Về sau, song thân đều tạ thế, Sư theo người anh làm quan úy ở Phần Ninh. Nghe danh thiền sư Tử Tâm, Sư đến yết kiến. Tử Tâm biết Sư có sở đắc, nên hỏi:

- Bồ-tát Thường Đề bán tim gan, dạy ai học Bát-nhã?

Sư đáp:

- Nếu Ngài vô tâm thì con cũng thôi.

- Một đám mưa mà cây cỏ thấm nhuần có khác, trên đất không có âm dương sanh vật gì?

- Một hoa năm cánh.

- Trong mười hai giờ nhằm chỗ nào an thân lập mạng?

- Hòa thượng tiếc lấy lông mày.

Tử Tâm đánh và quát:

- Người đàn bà này làm rối trật tự.

Sư lễ bái. Tử Tâm ấn khả. Sư làm bài kệ tán thán Tử Tâm:

Nguyên tác chữ Hán / Phiên âm	Dịch nghĩa / Dịch thơ
Thiền Dương Tử Tâm, Linh nguyên thậm thâm, Nhĩ trung kiến sắc, Nhân lý văn thanh. Phàm minh thánh muội, Hậu phú tiền bần, Lợi sanh tế vật, Điểm thiết thành kim.	Tử Tâm Thiền Dương, Nguồn linh rất sâu, Trong tai thấy sắc, Nơi mắt nghe thanh. Phàm sáng thánh tối, Trước nghèo sau giàu, Lợi sanh cứu vật, Chỉ sắt thành vàng.

Đan thanh đồ trạng, Phi cổ phi kim.	Đỏ xanh vẽ tướng, Chẳng xưa chẳng nay.
--	---

Tử Tâm hỏi:

- Tử Tâm không thật, nhằm chỗ nào tán thán? Nếu tán thán Tử Tâm, Tử Tâm không tướng mạo. Nếu tán thán hư không, hư không chẳng dấu vết. Thử hỏi thế nào? Nếu nói được, chính thấy Tử Tâm.

Sư đáp:

- Tử Tâm không thật, thật không phải Tử Tâm. Hư không không có tướng mạo, diệu hữu không hình dáng. Chết rồi sống lại, thân thấy Tử Tâm.

Tử Tâm cười rồi thôi.

Thiền sư Linh Nguyên lấy hiệu Không Thất Đạo Nhân tặng Sư. Từ đấy trong tông lâm, mọi người đều biết danh.

Sư cất ngôi nhà tám thí ở Bảo Ninh, trước cửa có treo tấm bảng đề: “Một vật cũng không, còn tám cái gì? Mảy trần nếu có, khởi lên từ đâu? Nói lấy một câu siêu thoát, mới có thể vào tám trong nhà này. Cổ Linh chỉ biết kỳ lưng, bậc khai sĩ đâu từng minh tâm. Muốn chứng Ly cầu địa toàn thân phải toát mồ hôi. Như nói nước hay rửa nhơ, đâu biết nước cũng là bụi. Dù cho nước và nhơ đều đẹp, đến đây cũng phải rửa nốt.”

Sau này Sư xuất gia làm ni tên là Duy Cửu, trụ tại chùa Tây Trúc ở Cô Tô.

Đến niên hiệu Tuyên Hòa thứ sáu (1124) Sư thị tịch. Sắp thị tịch, Sư viết kệ xong, ngôi kiết già mà hóa.

Sư có tác phẩm Minh Tâm Lục hiện còn lưu hành.

Sư ni **DIỆU TỔNG** hiệu **Vô Trước** chùa **Tư Thọ (1095 - 1170)**

Sư là cháu gái thừa tướng Tô Tụng. Năm mười lăm tuổi, cô chợt nghĩ: “Thân ta sanh từ đâu ra? Chết sẽ về đâu?” Lặng đi một lúc,

bỗng nhiên có chỗ được. Lớn lên cô được gả cho nhà họ Hứa ở Tỳ Lăng. Vì chán cuộc đời phù vinh, cô để tâm vào thiền định, tham vấn khắp các bậc danh túc, được đầy đủ chánh tín.

Có lần Diệu Tổng đến yết kiến thiền sư Tiến Nham Viên, bị ngài hỏi:

- Đàn bà con gái lại muốn dự vào việc đại trượng phu sao?

Diệu Tổng đáp:

- Phật pháp lại có tướng nam nữ sao?

Ngài gặng hỏi tiếp:

- Thế nào là Phật? Có người đáp rằng “tức tâm là Phật”, còn người thì sao?

- Lâu nay nghe tiếng Lão sư, sao vẫn còn nói năng như thế?

- Đức Sơn gặp ai vào cửa liền đánh, hầy!

- Nếu Thầy hành lệnh này mà chẳng rỗng thì đáng được thiên nhân cúng dường.

Ngài bảo:

- Chưa đúng.

Diệu Tổng lấy tay vỗ vào đài hương một cái. Thiền sư Viên nói:

- Có đài hương thì vỗ được, không đài hương thì sao?

Diệu Tổng liền đi ra. Thiền sư Viên gọi lại, hỏi tiếp:

- Người thấy đạo lý gì mà làm thế?

Diệu Tổng quay đầu lại đáp:

- Rõ ràng thấy, không một vật (Liễu liễu kiến vô nhất vật).

- Câu này là của Vĩnh Gia.

- Mượn ông ta để nói không được sao?

Thiền sư Viên kết luận:

- Thật là sư tử.

Thiên sư Chân Yết vừa dựng am ở Nghi Hưng xong, đang ngồi trên võng thì Diệu Tổng bước vào cửa. Chân Yết hỏi:

- Là phàm hay là thánh?

Diệu Tổng hỏi ngược lại:

- Mắt ở trên đánh đâu rồi?

Thiên sư Yết hỏi tiếp:

- Việc ngay mặt trình nhau thế nào?

Diệu Tổng đưa tọa cụ lên. Chân Yết la:

- Không hỏi cái này.

Diệu Tổng nói:

- Lâm rồi.

Chân Yết liền hét.

Chồng cô là Hứa Thọ Nguyên làm quan ở Gia Hưng. Khi ngài Đại Huệ Tông Cảo (tức Diệu Hỷ) đến thăm quận nhà, Thọ Nguyên thiết trai đón tiếp. Diệu Tổng bước ra lễ bái, không nói một lời.

Tông Cảo sau khi dự tiệc về, bảo với Phùng Tiếp (quan Cấp sự trung, tự Tế Xuyên, hiệu Bất Động cư sĩ), người cùng đi trong đoàn rằng:

- Vợ họ Hứa từng thấy thần thấy quỷ, nhưng chưa gặp được bản sắc kiên chùy, cũng giống như chiếc thuyền muôn học thả vào chỗ sông ngòi lấp bít, không chuyển động được.

Phùng Tiếp thưa:

- Làm sao nói dễ dàng thế?

- Nếu bà ta chịu hồi đầu thì nhất định phải khác.

Ngày hôm sau mọi người thỉnh Tông Cảo thuyết pháp, Diệu Tổng cũng đến dự nghe. Tông Cảo mật sát dị kiến tà giải của các nơi, người nghe giật mình nhìn nhau, chỉ một mình Diệu Tổng hoan hỷ nhìn không chớp mắt. Tông Cảo lại nhìn chúng và nói:

- Nay ở đây có ai có chỗ thấy chẳng? Sơn tăng khám nghiệm người như viên chức gác cửa khẩu, vừa thấy đến là biết có vật nộp thuế hay không.

Nói xong, Tông Cảo xuống tòa. Diệu Tổng đến xin đạo hiệu, Tông Cảo đặt tên là Vô Trước và dạy kệ rằng:

*Tận đạo sơn tăng ái mạ nhân,
Vị tăng mạ trước nhất cá hán.
Chỉ hữu Vô Trước mạ bất động,
Kháp tự Tần thời đạc lạc toản.*

Dịch:

*Trọn bảo sơn tăng thích mắng người,
Chưa từng mắng nhằm lấy một kẻ.
Chỉ có Vô Trước mắng chẳng động,
Giống hệt trục xe xoay đời Tần.*

Đã bị mắng mà chẳng động, vì sao lại giống trục xe xoay? Người đủ mắt hãy biện xem!

Năm sau, Diệu Tổng theo chúng nhập hạ ở Kính Sơn. Một hôm Tông Cảo thượng đường cử nhân duyên Dược Sơn tham vấn Thạch Đầu Mã Tổ, Diệu Tổng hốt nhiên đốn triệt. Lúc Tông Cảo xuống tòa, Phùng Tiếp theo đến phương trượng trình sở ngộ. Về sau được nghe Tông Cảo kể lại chuyện này, Diệu Tổng nói:

- Diệu Tổng từng thấy Quách Tượng chú giải sách của Trang Tử, nhưng bậc thức giả cho Trang Tử chú giải Quách Tượng.

Tông Cảo nghe xong lấy làm lạ, bèn cử thoại đầu “Người đàn bà và Nham Đầu” để hỏi. Diệu Tổng dùng kệ đáp:

*Nhất diệt thiên chu phiếm diểu mang,
Trình nhiều vũ trạo biệt cung thương.
Vân sơn hải nguyệt đô phao khước,*

Doanh đắc Trang Chu điệp mộng trường.

Dịch:

Một chiếc thuyền con thả bẻ khơi,

Đưa chèo múa nhịp khúc nhạc trời.

Núi mây trắng nước đều quăng hết,

Hơn được Trang Chu mộng điệp dài.

Tông Cảo muốn kích phát Sư đến chỗ cao xa, nên làm thỉnh không để ý đến. Một hôm khi đang tọa thiền Sư chợt đại ngộ, thấy được chỗ tùy duyên chỉ dạy của Tông Cảo, bất giác vỗ tay la lớn: “Lão giặc, lão giặc!” và trình tụng:

Mạch nhiên trúc trước tỹ đầu,

Kỹ lưỡng băng tiêu ngỗ giải,

Đạt-ma hà tất Tây lai,

Nhị Tổ uổng thi tam bái.

Cánh vấn như hà, nhược hà?

Nhất đội thảo tặc đại bại.

Dịch:

Bỗng nhiên chạm đến lỗ mũi,

Xem rõ băng tiêu ngói bể,

Đạt-ma Tây đến làm gì?

Nhị Tổ uổng công ba lạy.

Còn hỏi tại sao, thế nào?

Một bọn giặc cỏ đại bại.

Tông Cảo dùng kệ ấn chứng:

Nhữ ký ngộ hoạt Tổ sư ý,

Nhất đao lưỡng đoạn trực hạ liễu,

Lâm cơ nhất nhất nhậm thiên chân,

Thế xuất thế gian vô thặng thiếu.

Ngã tác thử kệ vì chứng minh,

Tứ thánh lục phạm tận kinh nhiều,

Hư kinh nhiều,

Bích nhãn Hồ nhi do vị hiểu.

Dịch:

Người đã ngộ ý Tổ sư sống,

Một đao chặt đứt làm hai đoạn,

Gặp việc mỗi mỗi tự thiên chân,

Thế, xuất thế gian không dư thiếu.

Ta làm bài kệ vì chứng minh,

Tứ thánh lục phạm đều kinh hãi,

Thôi kinh hãi,

Lão Hồ mắt biếc còn chưa hiểu.

Một hôm nhân Diệu Tổng vào thất, Tông Cảo hỏi:

- Người xưa chẳng ra khỏi phương trượng, vì sao lại lên trang sở ăn bánh chiên?

- Hòa thượng tha lỗi cho Diệu Tổng, Diệu Tổng mới dám nói.

- Ta tha lỗi cho người đó, người thử nói xem.

- Diệu Tổng cũng tha lỗi cho Hòa thượng.

- Đâu làm gì được cái bánh chiên.

Diệu Tổng hét mà ra. Từ đó danh vang khắp nơi.

Một hôm Diệu Tổng vào thất Tông Cảo, bị hỏi:

- Vừa rồi có vị tăng đến đối đáp, người hãy nói vì sao lão tăng không chịu ông ta.

Diệu Tổng đáp:

- Đâu gạt được Diệu Tổng.

Tông Cảo đưa trúc bễ lên hỏi:

- Người gọi cái này là cái gì?

- Trời xanh, trời xanh!

Tông Cảo liền đánh. Diệu Tổng nói:

- Hòa thượng đánh lầm người rồi.

- Đánh cho được rồi thôi, sá gì lầm với chẳng lầm.

- Riêng vì lưu truyền.

Khi Diệu Tổng đến chào từ giã về quê, Tông Cảo bảo:

- Người xuống núi có ai hỏi đạo pháp ở đây, người đáp thế nào?

Diệu Tổng thưa:

- Chưa đến Kính Sơn chẳng ngại nghi nhâm.

Tông Cảo hỏi vặn lại:

- Đến rồi thì sao?

- Y như cũ, tháng giêng trời vẫn còn lạnh.

- Đáp như thế, há chẳng phải coi thường Kính Sơn?

Diệu Tổng bịt tai đi ra.

Lúc đó Đạo Nhan Vạn An thủ chúng, cùng với một nghìn bảy trăm nạp tử dùng kệ tiến đưa Diệu Tổng trở về Vô Tích. Ngài thêm tên Sư vào những người đắc đạo trong pháp môn. Phùng Tiếp lúc đó vẫn chưa tin, nên chèo thuyền qua Vô Tích hỏi:

- Chuyện bà già sanh bảy đứa con, cả sáu đứa đều không gặp tri âm, chỉ riêng một đứa này cũng chẳng tiêu được, rồi ném đứa bé ấy xuống nước. Lão nhân Kính Sơn nói Đạo nhân đã lý hội được, là lý hội thế nào?

Sư đáp:

- Những lời trình bày ở trên đều là thật.

Phùng Tiếp kinh hãi.

Việc Diêu Tống nhận tâm ấn của Đại Huệ danh vang khắp nơi. Vào năm Nhâm Ngọ (1162) niên hiệu Thiệu Hưng, vì có tăng điệp của Lễ bộ ban cho Sư hiệu là Vô Trước, nên Diêu Tống nói kệ nhận lời, rồi cắt tóc đi tu.

Niên hiệu Long Hưng năm đầu (1163) đời vua Tống Hiếu Tông, xá nhân Trương An Quốc thái thú Ngô Môn gặp lúc chùa Tư Thọ vắng vẻ, mới thỉnh Diêu Tống đến trụ trì. Sư nhận lời, rồi xiển dương tông phong của Đại Huệ. Tuy đạo đức cao trọng, Sư vẫn trì luật rất nghiêm, khổ hạnh tiết chế.

Ngày mười hai tháng bảy niên hiệu Càn Đạo năm thứ sáu (1170), Sư nhóm chúng, nói kệ xong lặng lẽ thị tịch, thọ 76 tuổi. Chúng chôn toàn thân Sư ở phía đông Tương Sơn huyện Vô Tích, sau dời về Hồ Khưu ở Bình Giang.

Sư ni CHÂN NHƯ

Sư người quê Quan Tây, do có sắc đẹp và tài năng được tuyển vào cung làm Nội phu nhân, thuộc cung của Kiều quý phi. Họ Kiều sùng mộ Phật pháp nên cho Sư theo sở nguyện được xuất gia đầu Phật. Sau khi xuất gia, Sư đi tham vấn bốn phương, vào xứ Môn gặp thiền sư Đại Huệ tại những pháp hội Nam Tuyên, Tiểu Khê, Vân Môn.

Một hôm Sư bỗng nhiên tỉnh giấc, làm kệ:

Bình địa ngẫu nhiên trước diên,

Khởi lai đô vô khả thuyết.

Nhược nhân cánh vấn như hà,

Tiểu chỉ thanh phong minh nguyệt.

Dịch:

Đất bằng bỗng nhiên té ngã,

Đứng lên nói ra thật khó.

Nếu người đến hỏi thế nào?

Cười chỉ gió lành trăng tỏ.

Một buổi tiểu tham, Đại Huệ đối chúng nói kệ:

Kim nhật như Sư cô,

Tích thời vương sư phụ,

Thân cư la ý từng,

Chỉ trước thô ma bố.

Khai khẩu tiện cao đàm,

Hiêm Phật bất khăng tố,

Điều xuất thị phi khanh,

Tiệt đoạn sanh tử lộ.

Nhập hỏ huyết ma cung,

Tâm trung vô phạ bố,

Đỗ soạn Bát Dương kinh,

Tự hữu tam thiên bộ.

Ái ngâm lạc vận thi,

Thiên bất lạc tự số,

Hành cước tẩu thiên hạ,

Tham thiên vô sở ngộ.

Cần nhật đáo Vân Môn,

Nhất thời đô bại lộ,

Thác nhận đối chủ đầu,

Hoán tác đông qua hồ.

Như thị tác Sư cô,

Khuyến quân thiếu khiết thố,

Cánh hữu nhất xứ quai

Thả đạo na nhất xứ?

*Gia Châu đại tượng khiết chích phu,
Thiểm Phủ thiết ngư sanh phá đồ.*

Dịch:

*Ngày nay là Sư cô,
Thuở xưa thầy của vua,
Thân ở chốn lụa là,
Chỉ mặc toàn vải xấu.
Mở miệng liên nói cao,
Làm Phật còn chẳng thích,
Vượt khỏi hãm thị phi,
Cắt đứt đường sanh tử.
Vào hang cọp cung ma,
Trong tâm vẫn chẳng sợ,
Đỗ soạn Bát Dương kinh,
Tự có ba ngàn bộ.
Thơ lạc vận thích ngâm,
Riêng chẳng cần chữ số,
Đi hành cước khắp nơi,
Tham thiên mà chẳng ngộ.
Gần đây đến Vân Môn,
Một lúc đều bại lộ,
Chót tay cối nhận lầm,
Lại cho là quả bí.
Như thế làm Sư cô,
Khuyên người ăn ít giấm,*

Lại có một chỗ sai,

Hãy nói là chỗ nào?

Voi lớn Gia Châu ăn cám rang,

Trâu sắt Thiểm Phủ bụng no nóc.

Qua bài kệ này, có thể thấy đại khái về Sư cô.

Sư ni DIỆU ĐẠO hiệu Định Quang chùa Tịnh Cư

Sư là con gái thượng thư Huỳnh Thường ở Diên Bình. Thuở bé đã dứt mọi ham thích, mỗi đêm ngồi thiền quên thân. Cha quan sát lời nói của Sư mà không thấy có sơ hở, trải qua hai mươi năm mới cho xuất gia.

Sau khi xuất gia, Sư đi tham vấn khắp các vị tôn túc. Sư đến Kính Sơn tham vấn thiền sư Đại Huệ Diệu Hỷ. Nhân Đại Huệ ở trong thất hỏi một vị tăng: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật là cái gì?” Vị tăng mờ mịt không hiểu, Sư đứng ngoài cửa nghe hỏi bỗng nhiên khế ngộ. Đến trình với Đại Huệ, Đại Huệ bảo:

- Cây dâu trúng tên, cây ró xuất mồ hôi.

Rồi ấn chứng cho Sư.

Ngày khai đường ở chùa Hồng Phước, Sư nói:

- Thiên không phải ý tưởng, lập ý là trái ý thiên. Đạo bật dứt công huân, dựng lập công huân là mất đạo. Tiếng ở ngoài câu không nhằm trong ý mà cầu. Giữ cơ quan chiếu dụng, nắm kiên chùy của Phật tổ. Chỗ có Phật lẫn làm chủ khách, chỗ không Phật gió thổi vù vù. Tâm an ý rảnh, vang thuận tiếng hòa. Người như thế có gì để nói?

Dừng giây lâu, Sư nói:

Khoác áo tươi đứng ngoài Thiên Phong,

Dẫn nước tưới rau trước Ngũ Lão.

Sư lại nói:

- Chớp mắt lông mày lệch lạc, dường như mở mắt đái dầm. Hiện thành công án buông đi, chính là kẻ thông minh võ mật. Thế ấy chẳng thế ấy thấy chẳng được, rùa linh lê đuôi. Chẳng phải tâm chẳng phải Phật chẳng phải vật, đóng đinh hư không. Làm được những thứ công hư của rỗng, vẫn là trong nước đọng chứa rỗng. Một câu nghiêng hồ ngả núi làm sao nói?

Một tay Cự Linh vừa đấm xuống,

Hoa Sơn tan vỡ mảnh muôn ngàn.

Khi khác thượng đường, Sư nói:

- Các câu hỏi hãy dừng, dù có biện tài nghiêng hồ ngả núi, trong cửa nhà thiền một điểm dùng cũng chẳng được. Vả lại, khi Phật chưa ra đời hoàn toàn không một việc. Khi Tổ từ Tây sang liền có dựng lập khá nhiều, chùa chiền san sát, tông phái phân chia, đến nỗi ngày nay lụy đến con cháu. Khiến cho sơn tăng ở trước chúng nhân thiên không gió mà dậy sóng, nhằm đến cửa thứ hai để thông tin tức. Nơi nói nín gồm không thể hết, đầy khắp mười phương, chỗ ngôn ngữ diễn bày chẳng đến, trùm khắp sa giới. Khắp thân là mắt, gặp mặt bày cơ, điện xẹt sao băng làm sao khế hội? Có khi một tiếng hét, toàn quyền sống chết. Có khi một tiếng hét, Phật tổ khó biện. Có khi một tiếng hét, tám hướng thọ địch. Có khi một tiếng hét, tự cứu chưa xong. Hãy nói, một tiếng hét nào toàn quyền sống chết? Hãy nói, một tiếng hét nào Phật tổ khó biện? Hãy nói, tiếng hét nào tám hướng thọ địch? Hãy nói, tiếng hét nào tự cứu chưa xong? Nếu nhằm trong đó tiến được mới kham đến cái ớn chẳng đến. Bằng như chưa được, sơn tăng không mộng nói mộng.

Sư đưa cây phát tử lên hỏi chúng rằng việc nhìn thấy có bị ngoại vật che lấp hay không.

Sư ni TRÍ NGỘ hiệu Liễu Am chùa Đại Khánh phủ Thiệu Hưng

Sư là con gái họ Vương ở Phúc Châu, mồ côi cha từ thuở bé. Mới mười một tuổi, Sư xin phép mẹ đi xuất gia. Sư tụng kinh Duy-ma-cật đến câu “cõi nước chư Phật cũng thấy đều không”, bỗng nhiên Sư đốn ngộ. Sư đến tham vấn thiền sư Tín ở Vân Phong. Sư Tín hỏi:

- Ni từ chỗ nào đến?

Sư thưa:

- Chẳng ở bên sông Nam Đài.

Sư Tín hỏi:

- Thế là ở chỗ nào?

Sư cúi chào liền đi ra. Sư Tín quở:

- Lãng xãng làm gì? Đáng ăn gậy trong tay của sơn tăng.

Sư đỏ mặt, xuất mồ hôi. Hôm sau, Sư đến hỏi:

- Con hôm qua đáp lời Hòa thượng có lỗi ở chỗ nào?

Sư Tín gần giọng đáp:

- Lại đến đây tìm lỗi.

Sư tâm ý rỗng lặng thưa:

- Trăng sáng soi thấy người đi đêm.

Sư Tín nhìn vị tăng bên cạnh bảo:

- Xem y căn tánh chẳng phạm.

Bèn dùng kệ ẩn chứng có câu:

Tương phùng nhược vấn kỳ trung sự,

Phong giảo Loa Giang lãng phách thiên.

Dịch:

Gặp nhau nếu hỏi việc trong ấy,

Gió thổi Loa Giang sóng ngập trời.

Đầu tiên Sư ở chùa Tây Trúc, Tô Châu. Năm Bảo Hựu thứ sáu (1258) chiếu mời Sư trụ chùa Đại Khánh.

Thượng đường Sư đưa gậy lên nói:

*Thiên quai thập nhị lan can giác,
Phong mãn tam thiên thế giới trung.
Nhiệt não biến thành thanh tịnh cảnh,
Thiền tâm đốn giác ngộ chân không.*

Dịch:

*Trời chia mười hai góc lan can,
Gió đầy giữa thế giới ba ngàn.
Nóng bức biến thành nơi mát mẻ,
Tâm thiền chóng giác ngộ chân không.*

Sư đứng tựa cây gậy hỏi:

- Có chỗ nào cùng bàn?

Sư thượng đường nói:

*Dưới cửa Đại Dương, ngày ngày ba thu,
Trước nhà Minh Nguyệt, giờ giờ chín hạ.*

Người xưa nói thế ấy, chưa khỏi ngồi nơi đây. Đại Khánh thì chẳng vậy,

*Núi chuyển nghi không lối,
Khe xoay riêng có thôn.*

Sư thượng đường nói:

*Tơ liễu gió đùa,
Hoa hạnh tắm mưa.
Hay thay sanh cơ,
Hãy mau nhận lấy.*

Sư cầm phát tử gõ giường thiền nói:

- Ôi! Sau ba mươi năm chẳng được nêu lầm.

Sư là đệ tử Vân Phong Tín dòng Lâm Tế, đời thứ hai mươi sau Lục Tổ.

Sư ni VIÊN ẨM

Sư đến tham vấn thiền sư Trúc Am Chơn Diễn (1621-1677, nối pháp ngài Mộc Trần Đạo Mân dòng Lâm Tế) ở Ngẫu Am. Chơn Diễn hỏi:

- Thế Tôn đưa cành hoa lên, ngài Ca-diếp cười chúm chím là cười cái gì?

Sư hét một tiếng. Chơn Diễn bảo:

- Một tiếng hét này rơi ở chỗ nào?

Sư thưa:

- Chẳng ngại nghi đến.

Chơn Diễn đưa cây phát tử lên hỏi:

- Cái này ư?

Sư thưa:

- Chẳng được vọng thông tin tức.

Chơn Diễn bảo:

- Vừa rồi sơn tăng nói gì?

Sư thưa:

- Lời trước đâu còn.

Chơn Diễn bảo:

- Sơn tăng tuổi già.

Sư thưa:

- Tuổi già thì được.

Sư lễ bái lui ra.

Thánh ni TÁNH TƯỚNG

Sư ni Tánh Tướng quê ở Ích Châu, họ Dương. Cha tên Dương Vỹ, làm đạo sĩ hiệu Tam Động tiên sinh. Sư là chị của đại sư Huệ Khoan. Mới sanh đã biết đạo, trọn ngày thiền tịch. Thường cùng Huệ Khoan (mới năm, sáu tuổi) đàm luận, chẳng bàn chuyện đời, người nghe không ai hiểu được. Sau Huệ Khoan xuất gia, Sư cũng xuất gia theo.

Ở chùa Tịnh Huệ có một vị tăng nhập định, khắp chùa lửa hồng rực rỡ, người ta không biết chuyện gì. Sư bảo:

- Đây là Tôn giả Hỏa tụ nhập Hỏa quang tam-muội, dùng nước diệt thì có thể vào được.

Sư bèn nhập thủy quán, một nhà lặng lẽ chỉ thấy nước, không thấy hình hài đâu cả. Vị tăng khâm phục khen ngợi cho là đặc quả, người đời cũng gọi là Thánh ni.

Cô LINH CHIẾU

Cô Linh Chiếu là con gái của cư sĩ Bàng Uẩn. Một hôm thiền sư Đôn Hà đến thăm Cư sĩ, thấy Linh Chiếu đang rửa trà, Đôn Hà hỏi:

- Cư sĩ có nhà không?

Linh Chiếu buông giỏ trà xuống, khép tay đứng yên. Đôn Hà lại hỏi:

- Cư sĩ có nhà không?

Linh Chiếu cầm giỏ lên bước đi. Cô về thuật lại cho Cư sĩ nghe, Cư sĩ nói:

- Đất đỏ nặn trâu.

Cư sĩ cùng vợ là Hành Bà và cô Linh Chiếu đang ngồi, Cư sĩ nói:

Khó khó khó! Mười tạ dầu mè vuốt trên cây.

(Nan nan nan! Thập tạ du ma thọ thượng thang.)

Bà nói:

Dễ dễ dễ! Trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư.

(Dị dị dị! Bách thảo thượng đầu Tổ sư ý.)

Cô Linh Chiếu nói:

Cũng chẳng khó, cũng chẳng dễ,

Đói đến thì ăn, mệt thì ngủ.

(Dã bất nan, dã bất dị,

Cơ lai khiết phạm, khốn lai thù.)

Cư sĩ nói:

- Chỉ như nói: Rõ rõ ý Tổ sư, rõ rõ trăm ngọn cỏ. Làm sao hội?

Cô Linh Chiếu nói:

- Đã già cả mà nói lời thế ấy.

- Con nghĩ thế nào?

- Rõ rõ trăm ngọn cỏ, rõ rõ ý Tổ sư.

Cư sĩ bèn cười to.

Ngày nọ, Cư sĩ đi bán giỏ tre, đang bước xuống cầu bị trượt, Linh Chiếu thấy cũng té theo. Cư sĩ hỏi:

- Con làm gì vậy?

Linh Chiếu đáp:

- Thấy cha té, con nâng phụ.

Cư sĩ sắp đến lúc nhập diệt, bảo với Linh Chiếu:

- Con coi mặt trời sớm trễ, đúng Ngọ báo cho cha biết.

Linh Chiếu ra cửa, vội bảo:

- Mặt trời đã đúng Ngọ mà có nhật thực, cha ra xem thử.

- Có như vậy sao?

- Có mà.

Cư sĩ rời khỏi chiếu, đến bên cửa sổ. Linh Chiếu bèn lên giường, lệ làng ngồi kiết già thị tịch.

THÔI LUYỆN SƯ

Phu nhân của Mân soái là Thôi thị, tự Luyện Sư. Một hôm Luyện Sư sai sứ mang y và lễ vật đến thiên sư Huệ Lăng ở Trường Khánh và xin thư hồi âm.

Sứ giả đến thưa y như vậy. Huệ Lăng bảo:

- Về bảo Luyện Sư nhận hồi âm.

Sứ trở về đến trước Luyện Sư nói:

- Xin nhận hồi âm.

Hôm sau Huệ Lăng vào phủ, Luyện Sư thưa:

- Cảm ơn Đại sư hôm qua đã đáp lời.

Huệ Lăng bảo:

- Đưa lời đáp hôm qua ra xem.

Luyện Sư đến trước vòng tay lại. Mân soái liền hỏi thiên sư Huệ Lăng:

- Vừa rồi Luyện Sư trình thư có hợp ý Đại sư chăng?

Huệ Lăng đáp:

- Cũng tạm được.

Mân soái hỏi:

- Chưa rõ ý Đại sư thế nào?

Huệ Lăng im lặng. Mân soái nói:

- Chẳng thể nghĩ lường, Phật pháp của Đại sư sâu xa thay!

Đạo nhân GIÁC AM

Đạo nhân Giác Am họ Tổ, là cháu gái của sát viện Du Tạc (1053-1123) ở Kiến Ninh. Thuở nhỏ không thích thế gian, lưu tâm tổ đạo.

Nơi hội thiên sư Viên Ngộ nghe dạy chúng, Sư liễu ngộ. Viên Ngộ bảo:

- Cần phải dẹp hết các sở kiến mới được tự do.

Đạo nhân đáp kệ:

*Lộ trụ trầu hoành cốt,
Hư không lộng trảo nha,
Trực nhiều huyền hội đắc,
Do thị nhãn trung sa.*

Dịch:

*Cột cái xương ngang rút,
Hư không vượt nanh bày,
Cho dù huyền hội được,
Trong mắt dính cát đây.*

Đạo nhân MINH THẮT

Đạo nhân Minh Thắt tên Bốn Minh, tự khế cơ với ngài Viên Ngộ, rồi đi tham vấn tất cả các bậc danh túc. Đến đâu cũng được ấn khả.

Niên hiệu Thiệu Hưng năm thứ mười (1140) ngày rằm tháng hai, viết ba bài kệ trình ngài Thiệu Thanh ở Thảo Đường.

Bài một:

*Bất thức phiên não thị Bồ-đề,
Nhược tùy phiên não thị ngu si.
Khởi diệt chi thời tu yếu hội,
Diêu (diều hâu) quá Tân La nhân bất tri.*

Dịch:

*Chẳng biết phiên não là Bồ-đề,
Nếu theo phiên não thật ngu si.*

*Ngay khi khởi diệt cần nên hội,
Điều quá Tân La người chẳng hay.*

Bài hai:

*Bất thức phiền não thị Bồ-đề,
Tịnh diệu liên hoa sanh ứ nê.
Nhân lai vấn ngã nhược hà vi?
Khiết chúc khiết phạn tẩy bát vu.*

Dịch:

*Chẳng biết phiền não là Bồ-đề,
Sen thanh hoa nở giữa bùn nhơ.*

(Văn bản trang 761 bị khuyết đoạn sau của Bài hai và Bài ba)

*Người đến hỏi ta làm thế nào?
Cơm cháo ăn rồi rửa bát đi.*

Bài ba:

*Mạc quản tha, mặc quản tha,
Chung nhật si hàm lộng hải sa.
Yếu thức bản lai chân diện mục,
Tiện thị Tổ sư nhất mộc xoa.
Đạo bất đắc để xoa hạ tử,
Đạo đắc để dã xoa hạ tử.
Tất cánh như hà?
Bất hứa dạ hành, đầu minh tu đáo.*

Dịch:

*Mặc kệ nó, mặc kệ nó,
Suốt ngày si ngốc, đùa cát biển.
Muốn biết bản lai chân diện mục,*

Chính là cây chĩa ba của Tổ sư.

Nói chẳng được chết dưới chĩa ba,

Nói được cũng chết dưới chĩa ba.

Rốt cuộc thế nào?

Chẳng cho đi đêm, đợi sáng hãy đến.

Ít ngày sau, Cô từ biệt người thân, an nhiên mà tịch.

Đạo nhân TỊCH THỌ

Đạo nhân Tịch Thọ họ Phạm, người Thành Đô, góa chồng ở vậy nhiều năm, thường ngồi chẳng nằm. Nghe ngài Viên Ngộ trụ chùa Chiếu Giác, bèn đến thỉnh ngài chỉ dạy. Viên Ngộ dạy tham:

- Chẳng phải tâm chẳng phải Phật chẳng phải vật, là cái gì?

Đạo nhân tham rất lâu mà không khế hội, bèn hỏi Viên Ngộ:

- Ngoài đây ra, còn có phương tiện nào khiến con hội được?

Viên Ngộ nói:

- Có phương tiện này, chẳng phải tâm chẳng phải Phật chẳng phải vật.

Đạo nhân liền tỉnh ngộ, bèn nói:

- Té ra gần gũi đến thế.

TẦN QUỐC PHU NHÂN

Phu nhân Tần Quốc họ Kế, tên Pháp Chơn, là mẹ của Ngự quốc công Trương Lăng. Góa chồng sớm, tánh nghiêm nghị, dạy con rất phép tắc, thường ăn rau quả, ưa bố thí, tụng kinh lễ Phật có thời khóa hàng ngày.

Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo trụ ở Kính Sơn thường sai học trò là Đạo Khiêm đem thư đến Trường Sa hầu Ngự quốc công.

Ngự công hỏi:

- Mẹ tôi tu hành bốn mươi năm, chỉ thiếu một điều này.

Rồi lưu Đạo Khiêm lại, sớm tối đàm đạo. Gặp phu nhân, phu nhân hỏi rằng:

- Hòa thượng Kính Sơn dạy người thế nào?

Đạo Khiêm nói:

- Hòa thượng dạy người khán “con chó không Phật tánh” và “cây trúc bẽ”. Chỉ là không được nói, không được suy nghĩ, không được hướng chỗ nêu lên mà hội, không được hướng chỗ mở miệng mà thừa đương. Muốn biện rõ việc này, hãy thôi xem kinh lễ Phật, chuyên tâm tham cứu, chớ để công phu gián đoạn. Nếu một bẽ chấp chặt xem kinh lễ Phật, mong cầu công đức, cũng là việc chướng đạo. Đợi đến khi một niệm tương ưng, sẽ xem kinh lễ Phật như cũ. Lúc ấy, dù là một nén hương, một cành hoa, một chiêm một bái đều là diệu dụng của Phật. Chỉ cần chịu tin nhau, chắc chắn chẳng làm lẫn nhau.

Phu nhân tin lời, bèn ra sức tham cứu câu trên. Một hôm, canh năm vừa dậy ngồi lên chợt có tỉnh, làm kệ trình ngài Đại Huệ:

*Trục nhật khán kinh văn,
Như phùng cự thức nhân.
Mạc ngôn tân hữu ngại,
Nhất cử nhất hồi tâm.*

Dịch:

*Suốt ngày xem kinh văn,
Như gặp người quen thân.
Chớ nói có chướng ngại,
Lần nào xem cũng mới.*

Đại Huệ đáp thư rằng:

“Đạo Khiêm trở về, đem thư và mấy bài tụng của phu nhân. Ban đầu tôi rất nghi, đến lúc hỏi lại Đạo Khiêm mới rõ gốc ngọn. Việc bao kiếp chưa sáng, nay hoát nhiên hiện trước mắt, chẳng phải từ người mà được. Vì thế, tôi hoan hỷ đến mấy ngày.

Con bà làm Tể tướng, bà làm Quốc phu nhân, cũng chưa đủ làm quý. Quét được đồng phần, lượm được của báu vô giá, trăm kiếp ngàn đời thọ dụng bất tận, mới thật đáng quý. Nhưng cần nhất là chẳng được chấp trước cái quý này. Nếu chấp trước thì đọa vào tôn quý, chẳng khỏi lòng từ bi, thương xót hữu tình. Ghi nhớ, ghi nhớ!”

Niên hiệu Thiệu Hưng thứ hai mươi sáu (1156) phu nhân sắp mất, bảo Ngự quốc công rằng:

- Mẹ có ơn sâu chưa báo. Hãy sai người đón tiếp, cúng dường ngài Đại Huệ một năm.

Ngự công bèn sai sứ rước Đại Huệ tới. Ngài vừa đến, phu nhân từ trần. Linh sàng để ở Đông đường chùa Quang Hiếu. Chôn xong, ngài mới trở về.

Đạo nhân TRÚC TÂM

Định an nhân pháp danh Giác Chân, người Hào Đầu, Hoàng Nham, Thai Châu. Buổi đầu Cô đến tham vấn thiền sư Tuyệt Điện Canh ở núi Ủy Vũ được tỉnh ngộ, liền bỏ nhà cất am tự tu. Sau Cô đến yết kiến thiền sư Cổ Ngu ở Dũng Tuyên. Cổ Ngu hỏi:

- Con gái nhà lương thiện chạy đông chạy tây làm gì?

Cô thưa:

- Con đến yết kiến Hòa thượng.

Cổ Ngu bảo:

- Ở đây ta không thể dung người.

Cô vỗ tay một cái, nói:

- Chỗ dừng ba mươi năm, hôm nay bị thua rồi.

Cổ Ngu liền thôi.

Cô đến yết kiến Vô Tế ở am Xuân Vũ, Nhạn Sơn. Vừa vào cửa, Cô nói:

- Mưa xuân trơn như mỡ, người đi ghét sinh lầy.

Vô Tể nói:

- Chẳng phải, chẳng phải.

Cô toan nói thêm, bị Vô Tể nạt đuổi ra.

Về già, Cô cất am ở trước chùa Minh Nhân tại Ấp Trung để tiếp khách qua lại. Có một vị tăng mang bao nón đi thẳng vào nhà, Cô hỏi:

- Ông là tăng gì?

Tăng đáp:

- Tăng hành cước.

Cô bảo:

- Giày cỏ dưới chân đã rách, vì sao ông không biết?

Tăng đáp không được, Cô ném bao nón ra ngoài, bảo:

- Trong đây không có chỗ nào cho ông tạm nghỉ.

Lại có một vị tăng khác, vừa vào cửa, Cô bảo:

- Đại sư Đạt-ma đến.

Tăng đáp:

- Không phải.

Cô bảo:

- Phải vẫn phải, chỉ vì lỗ mũi không giống.

Một hôm Cô vào chùa Minh Nhân, thăm Sư ni Khuê. Vừa gặp nhau, Cô hỏi:

- Nghe Sư ni khi hôm sanh được đứa bé phải chăng?

Sư ni Khuê đáp:

- Hãy nói, trai hay gái?

Cô đáp:

Kê hàm đằng trản tẩu,

Miết giảo điếu ngư can.

Dịch:

Gà mổ đèn kéo quân,

Rùa cắn cần câu cá.

Không biết Cô tịch lúc nào và ở đâu.

Đạo nhân TAM KHÔNG

Đạo nhân chẳng rõ họ gì, đến tham vấn thiền sư Thiên Minh Đàm, khán công án chữ “Vô” của Triệu Châu suốt ba mươi năm.

Một hôm, Đạo nhân trở lại gặp Sư hỏi:

- Lúc sanh tử đến thì thế nào?

Sư hỏi vặn lại:

- Sanh là ai? Tử là ai?

Đạo nhân cúi đầu vấn an (hỏi thăm sức khỏe). Sư lại hỏi như trước, Đạo nhân lại cúi đầu vấn an. Sư quả:

- Ky nhất là chết ở trong đây.

Đạo nhân đưa râu chuối lên nói:

- Lăn chuối một trăm lẻ tám.

Vài ngày sau, Đạo nhân mắc bệnh nhẹ, nói bài kệ rồi tịch.

SIÊU NHẤT TỬ

Siêu Nhất Tử con gái họ Ân, người Dương Châu, góa chồng sớm, đóng cửa học đạo. Ba năm sau ngồi tịch, có để lại một quyển thơ kệ. Trong đó có một bài như sau:

Tĩnh trung vô cá sự,

Phản phúc lộng hư không.

Địa lão thiên hoang hậu,

Hồn phi phách táng trung.

Hữu sư khai đạo thống,

*Vô pháp độ ngu mê.
Hốt để hư không toái,
Tịch dương y cựu hồng.*

Dịch:

*Lặng lẽ không một việc,
Lật lờng đùa hư không.
Sau trời hoang đất cõi,
Trong hồn mất phách tan.
Có thấy khai mỗi đạo,
Chẳng pháp độ ngu mê.
Chợt hư không nát nát,
Tịch dương như xưa hồng.*

Và một bài Xem Hoa:

*Thỏ lai kiêu quán thủy lai tài,
Điên đảo công phu nhậm ngã lai.
Mãn viện xuân phong hoa tự ngữ,
Bất tương nhan sắc hướng nhân khai.*

Dịch:

*Vun đất tưới nước trông hoa chơi,
Xáo trộn mặc tình tôi trở tài.
Khắp viện gió xuân, hoa tự ngữ,
Chẳng đem hương sắc nở vì ai.*

THIÊN SƯ NI VIỆT NAM

Sư ni DIỆU NHÂN (1042 - 1113)

Sư tên Lý Ngọc Kiều, là trưởng nữ của Phụng Càn Vương. Thuở nhỏ bà thiên tư thuần hậu, ngôn hạnh đoan trang, được vua Lý Thánh Tông nuôi trong cung. Lớn lên, vua gả cho người họ Lê làm quan châu mục ở Chân Đăng. Chồng mất, bà tự thệ thủ tiết không chịu tái giá. Một hôm bà than:

- Ta xem tất cả pháp thế gian như giấc mộng huyễn ảo, hướng là các thứ phù vinh mà đáng trông cậy sao!

Thế rồi bà đem tất cả tư trang ra bố thí, cạo tóc xuất gia. Đến thiên sư Chân Không ở làng Phù Đổng, xin thọ giới Bồ-tát và học hỏi tâm yếu. Thiên sư Chân Không cho bà pháp danh Diệu Nhân và dạy trụ trì ni viện Hương Hải ở làng Phù Đổng, huyện Tiên Du.

Hàng ngày, Sư gìn giữ giới luật và hành thiền được chánh định, là bậc mẫu mực trong ni chúng thời ấy. Có người đến cầu học, Sư dạy họ tu tập Đại thừa. Dạy rằng:

- Chỉ trở về nguồn tự tánh thì đốn tiệm tùy theo đó mà thể nhập. Hãy giữ tâm tịch tịnh, lánh xa thanh sắc.

Có học giả hỏi:

- “Tất cả chúng sanh bệnh nên ta bệnh.” Tại sao lại kỵ sắc thanh?

Sư nương theo kinh đáp:

Nếu dùng sắc thấy ta,

Dùng âm thanh tìm ta,

Người ấy hành đạo tà,

Không thể thấy Như Lai!

- Tại sao ngồi yên?

- Xưa nay không đi.

- Thế nào chẳng nói?

- Đạo vốn không lời.

Năm Hội Tường Đại Khánh thứ tư (1113), ngày mừng một tháng sáu năm Quý Tỵ, Sư có bệnh, nói kệ dạy chúng:

Sanh lão bệnh tử

Tự cổ thường nhiên,

Dục cầu xuất ly

Giải phục thêm triền.

Dịch:

Sanh già bệnh chết

Xưa nay là thường,

Muốn cầu thoát ra

Mở trói thêm ràng.

Bài 2:

Mê chi cầu Phật

Hoặc chi cầu thiên,

Thiên Phật bất cầu

Uổng khẩu vô ngôn.

Dịch:

Mê đó tìm Phật

Lầm đó cầu thiên,

Phật thiên chẳng cầu

Ngậm miệng không lời.

Nói kệ xong, Sư cạo tóc tắm rửa thân thể, ngồi kiết già viên tịch, thọ 72 tuổi.

Sư ni TUỆ THÔNG (Giữa thế kỷ XIV)

Sư họ Phạm, con gái của một gia đình đời đời làm quan. Sư xuất gia tu ở trên núi Thanh Lương. Sư tu khổ hạnh, trì giới chuyên cần, tuệ giải thông suốt, thường ngồi thiền định, diện mạo giống hệt A-la-hán. Kẻ đạo người tục xa gần đều kính mộ. Danh tiếng Sư lừng lẫy, là bậc tông sư của ni chúng cả nước, tên tuổi ngang hàng với bậc cao tăng. Vua Trần Nghệ Tông (1370-1372) ban hiệu là Tuệ Thông đại sư.

Về già, Sư dời về ở Đông Sơn. Một hôm Sư bảo đệ tử rằng:

- Ta muốn đem thân hư ảo này bố thí cho hổ lang một bữa no.

Sư bèn vào núi sâu ngồi kiết già, không ăn uống hai mươi một ngày, hổ lang ngày ngày đến ngồi chung quanh mà không dám đến gần. Đồ đệ nài nỉ Sư trở về am. Về am, Sư đóng cửa nhập định qua một hạ, rồi tập hợp đệ tử lại giảng đạo, bỗng nhiên ngồi tịch, tuổi ngoài tám mươi. Lúc hỏa táng có rất nhiều xá-lợi. Quan sở tại xây tháp cho Sư ngay trên núi đó.

Trước khi tịch, Sư dạy đệ tử:

- Sau khi ta đi nên chia bớt xương ta lại đây để mài rửa tật bệnh cho người đời.

Đến khi nhật xương, đệ tử thấy không đành, bèn cho hết vào trong hộp phong lại. Qua đêm bỗng có một chiếc xương khuỷu tay trên bàn, bên ngoài hộp. Mọi người đều kinh ngạc về sự linh nghiệm của Sư.

Về sau, có người mắc bệnh đến khẩn cầu, đệ tử đem xương mài với nước cho rửa, mọi người đều lành bệnh ngay. Sự thệ nguyện của Sư sâu rộng như thế.

Không biết Sư thuộc hệ phái nào.

(Trích dịch Nam Ông Mộng Lục - Hồ Nguyên Trừng)

GIA TỪ hoàng hậu (? - 1381)

Hoàng hậu Lê thị là em họ Hồ Quý Ly, lớn lên kết hôn với hoàng tử Cung Tuyên Vương, sanh ra Linh Đức Vương (tức Giản Hoàng Đế). Năm 1372, hoàng tử lên ngôi. Năm 1373 bà được sách phong làm Gia Từ hoàng hậu.

Năm 1377 vua Trần Duệ Tông đánh Chiêm Thành bị chết trận, bà xuống tóc xuất gia. Thượng hoàng Nghệ Tông chọn Linh Đức lên làm vua, bà cố từ chối thay cho Linh Đức, nhưng không được. Bà khóc nói:

- Con ta phước mỏng, khó lòng cáng đáng trách nhiệm lớn, chỉ có mắc tai vạ thôi. Tiên hoàng là đời, kẻ chưa chết này chỉ muốn chết theo, không muốn trông thấy việc đời nữa, huống là lại phải nhìn thấy con mình sắp nguy khốn ư!

Sư dốc chí tu hành, không quá vài năm mà đốt tay, đốt liều trên đảnh... cúng dường đủ hết. Sớm chiều tụng niệm, một bề chuyên tâm thiền định.

Niên hiệu Xương Phù thứ năm (1381) Giản Hoàng, Sư thị tịch trong lúc đang nhập định, ở am Tây chùa Chiêu Khánh, hương Long Đàm.

Đến lúc Linh Đức bị phế và hại chết để lập Chiêu Định Vương, mọi người ai cũng phục Sư là người sáng suốt, thấy trước sự việc. Và lại, cảm sự trung thành và tiết tháo kiên trinh của Sư, vừa vào cửa Phật liền chóng liễu ngộ.

Các phi tần nhà Trần cũng có nhiều người hiền đức, nhưng Sư sanh sau lại gần như hơn hẳn. Kỳ vĩ thay!

(Dựa theo Sử Ký và Nam Ông Mộng Lục)

Sư ni họ LÊ núi Thị Vải

Sư tên Lê Thị Nữ, không biết quê quán ở đâu, chỉ biết lúc chưa xuất gia cô thuộc gia đình giàu có, trẻ đẹp hiếu thảo, lo phụng dưỡng

cha mẹ, không chịu lấy chồng. Sau khi cha mẹ mất mới chịu xuất giá, nhưng không bao lâu thì chồng chết. Cô không chịu tái giá, nhưng bị nhà quyền thế áp bức, cô bèn xuống tóc xuất gia tu hành.

Sư lập am trên núi gần Bà Rịa, giữ giới luật tinh nghiêm, chí tâm tu hành, đạt thành chánh quả. Vì vậy người đời sau gọi núi đó là núi Thị Vãi hay núi Nữ Tăng.

Sách Đại Nam Nhất Thống Chí viết: Núi Nữ Tăng ở đông nam huyện Long Thành mười hai dặm, tục gọi là núi Thị Vãi, đất đá xen lộn, cây cối lên cao, từ tỉnh Gia Định trông đến như hòn ngọc Thượng đế trưng bày, tượng trưng tốt đẹp. Nhân dân ở đây nhờ nhiều món lợi (cây gỗ, dầu thông, chim muông, than củi). Xưa có Ni cô là Lê Thị Nữ dựng am ở tại núi ấy, nên gọi là núi Nữ Tăng.

Sách Gia Định Thành Thông Chí của Trịnh Hoài Đức có viết: Núi Nữ Tăng, tục gọi là núi Bà Vãi, ở địa phận Long Thành, xưa có người con gái họ Lê, gia tư giàu có, nhưng bị lỡ thời, sau khi cha mẹ mất rồi mới có chồng, không được bao lâu chồng chết, bà thể không tái giá, lại bị kẻ cường hào cậy mai mối thường đến quấy nhiễu. Bà bèn cạo đầu lập am ở đỉnh núi, tự làm thầy Cả cùng bọn đồng tộc giữ lòng tu trì, sau thành chánh quả. Người ta nhân đó đặt tên núi.

Sư ni họ TỐNG ở Hà Tiên

Sư ni Tống Thị Sương là con một nhà giàu ở Hà Tiên, thùy my siêng năng, giỏi về nữ công, giàu nữ hạnh.

Khi cô đến tuổi mười sáu, nhiều nhà quyền thế cậy người mai mối đến cầu hôn, nhưng tất cả đều bị từ chối. Cha mẹ trách cứ, cô thưa:

- Nhân duyên của con phải nhờ đức Phật chỉ giáo.

Cha mẹ không hiểu nhưng cũng miễn cưỡng nghe theo. Một hôm có vị sư lạ đi qua cửa, thấy áo lót của cô phơi ở sân, Sư vào chỉ nâng nặc hỏi xin áo ấy, nói rằng để thỏa nguyện cúng Phật. Cha mẹ cô la mắng, xua đuổi lớn tiếng. Cô chạy ra khuyên can cha mẹ, vị sư chỉ

mỉm cười rồi đi. Từ đấy cô phát nguyện niệm Phật, xuống tóc làm Ni để phụng thờ Quán Âm đại sĩ. Cha mẹ nhiều cách khuyên giải không được, bèn cho lập am ở bên trái núi trên đảo Đại Kim cho cô tụng niệm tu hành.

Cô trì giới nghiêm cẩn, lại thêu một bức tranh Bồ-tát Quan Thế Âm cao bằng thân người, cứ mỗi mũi kim lại niệm Phật một câu. Ba tháng thì xong, bức tranh nổi bật sống động trông như vị Phật sống. Dựng việp để thờ (tranh ấy), đến nay di tích vẫn còn.

(Trích Đại Nam Liệt Truyện Tiên Biên quyển 6 - Cao Tăng)

Am Quan Âm của Sư ni Tống Thị Sương ở núi Đại Kim nằm trên đảo Đại Kim. Đảo Đại Kim nằm ở phía nam trấn, chu vi 139 trượng 5 thước. Đảo này ngăn đón sóng cồn, làm hạt ngọc biển của trấn. Nơi bờ có bắc cái cầu ván để thông ra vào, phía sau có việp Quan Âm, phía tả có Diệu đình, người du ngoạn thường khi trăng thanh gió mát đến đây thả câu ngâm vịnh thông dong. Đây là cảnh Kim dự lan đào (đảo Kim ngăn sóng) trong mười cảnh đẹp của trấn Hà Tiên.